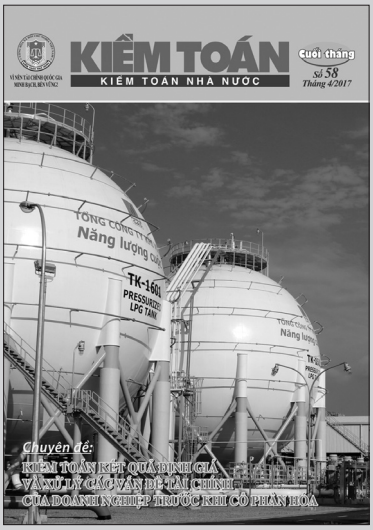

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH
Đỗ Hồng Công
ĐT: (04) 62820719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Mai Hải Đường
ĐT: (04) 62820711

TRỤ SỞ
79 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội
Email: kiemtoancuoithang@sav.gov.vn
ĐT: (04) 62820721 - Fax: (04) 62820708

TÀI KHOẢN
Báo Kiểm toán 2601 0000 056239
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ IN
Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012
của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI
Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ

KIỂM TOÁN cuối tháng

Số 58 - Tháng 4/2017

MỤC LỤC

KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG 30/4/1975

Văn Hùng — Bài học từ chiến tranh — 2

TRÒ CHUYỆN CUỐI THÁNG

Đặng Quyết Tiến — Quá trình xác định giá trị doanh nghiệp sẽ được rút ngắn nếu KTNN tham gia ngay từ đầu — 4

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Kristalina I.Georgieva — Cần phát huy tối đa hiệu quả của từng đồng vốn vay từ Ngân hàng Thế giới — 8

Nguyễn Đỗ Anh Tuấn — Ngành nông nghiệp cần những "cú huých" tốt để phát triển bền vững — 11

Thùy Lê — Giải pháp nào để kéo ngành đường sắt đi lên? — 14

Hồng Nhung — Sự thận trọng cần thiết khi thay đổi chính sách — 17

CHUYÊN ĐỀ: KIỂM TOÁN KẾT QUẢ ĐỊNH GIÁ VÀ XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

Nguyễn Sĩ Minh — Nhiều bất cập trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa — 21

Hoàng Thị Mỹ Dung — Thực tế kiểm toán kết quả định giá và xử lý các vấn đề tài chính của doanh nghiệp cổ phần hóa — 24

Huỳnh Hữu Thọ — Nhận diện khó khăn cho các cuộc kiểm toán kết quả định giá doanh nghiệp cổ phần hóa — 27

Đoàn Trần Phú — Tổ chức kiểm toán kết quả định giá và xử lý tài chính doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa - những vướng mắc cần tháo gỡ — 29

Lê Viết Minh — Một số khó khăn khi xác định giá trị doanh nghiệp bằng phương pháp dòng tiền chiết khấu — 30

TRAO ĐỔI

Trần Văn Hòe — Những kinh nghiệm khi kiểm toán nợ chính quyền địa phương — 32

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Hoàng Văn Lương — Chương trình xây dựng nông thôn mới: Cần sớm xử lý tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản — 35

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Thanh Xuyên — Kenya: Sụp đổ Hệ thống thông tin quản lý tài chính vì những thiếu sót nghiêm trọng — 38

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Nguyễn Sĩ Đại — Thơ — 40

* * * — Sưu tầm — 40

Bài học từ chiến tranh

VĂN HÙNG

Trong dòng chảy lịch sử Việt Nam, Chiến thắng 30/4/1975 là kết tinh cao nhất tài thao lược của Đảng về chỉ đạo chiến tranh, là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam hiện đại, là mốc son chói lọi khép lại chặng đường "trường kỳ kháng chiến" đánh thắng những đế quốc hàng đầu thế giới. Sau hơn 4 thập kỷ, mỗi khi nhắc lại chiến thắng lịch sử này, người Việt Nam nào cũng tự hào, hãnh diện, ngẩng cao đầu với tư cách của người chiến thắng, dù vẫn biết cái giá phải trả cho chiến tranh không hề nhỏ. Đất nước hòa bình, chúng ta phải xây dựng cơ nghiệp của mình trên đống hoang tàn, đổ nát, phải khôi phục di chứng của chiến tranh với những đau thương, mất mát còn đeo đẳng nhiều thập kỷ.

Nhiều người tự đặt giả thiết, nếu không bị chiến tranh, không phải cầm vũ khí để đương đầu thù trong giặc ngoài, thì chắc chắn nước ta sẽ sớm sánh vai với cường quốc năm châu. Kinh tế Việt Nam vốn nghèo nàn lạc hậu, bị phong kiến, thực dân đô hộ hàng trăm năm, sau đó lại trải qua nhiều thập kỷ chống đế quốc hiện đại. Tiềm lực vật chất phải dồn hết cho công cuộc giữ nước, giành độc lập, tự do thì làm sao có thể không nghèo, không khó khăn? Bài học chiến thắng trong chiến tranh cũng là bài học của công cuộc dựng xây đất nước. Thực tế, những bài học kinh nghiệm của truyền thống lịch sử dựng nước, giữ nước đã được Đảng ta vận dụng rất sáng tạo, kết quả là sau hơn 30 năm triển khai công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu kinh tế - xã hội đáng tự hào.

Thành công trên cũng là lời nhắc nhở thế hệ hôm nay - lớp người kế tiếp cha anh - không được quên những giá trị của thắng lợi, của hòa bình, độc lập, tự do. Phòng ngừa, loại trừ chiến tranh ra khỏi đời sống là mục tiêu chúng ta phải theo đuổi đến cùng vì ai cũng biết xung đột, chiến tranh dưới mọi hình thức chỉ mang lại khổ đau cho loài người.

So với những nước trong và ngoài khu vực, Việt Nam vẫn là nước mới phục hồi sau chiến tranh, còn thua kém về nhiều mặt. Chúng ta tự hào nhưng không kiêu ngạo, không thỏa mãn với những gì mình đã đạt được. Trong chiến tranh, tất cả dồn cho một mục tiêu duy nhất là giành lấy tự do, hòa bình nên những khái niệm như chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực… còn xa lạ với mọi người. Lúc đó, sự khó khăn, đói khổ, mất mát hy sinh càng làm mọi người đoàn kết hơn để cùng chiến đấu với quân thù. Sau khi đất nước hòa bình, dù không còn thường xuyên đối diện với đau khổ, hy sinh, nhưng những yếu kém trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội ngày càng bộc lộ rõ. Có mặt khắc phục được ngay, có việc kéo dài nhiều năm, đó là một thực tế không thể né tránh. Bác Hồ từng dạy: Một đảng giấu giếm khuyết điểm của mình là đảng

yếu. Nhận thức rõ chân lý ấy, Đảng ta luôn chăm lo công tác phê và tự phê mỗi ngày; kiên định, không khoan nhượng trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, không giấu giếm cái xấu, không dung thứ cái ác.

Đảng và Chính phủ đã và đang chỉ đạo quyết liệt, từng bước loại trừ những hành động đi ngược với lợi ích dân tộc, đất nước; đẩy lui những lực cản vô hình và hữu hình trên con đường đưa đất nước phát triển. Đó thực sự là cuộc đấu tranh không dễ dàng với lợi ích nhóm, với những hành động tham nhũng, lãng phí, gây ô nhiễm, tự giết mình và cộng đồng, tự hủy hoại môi trường sống của đất nước… Loại trừ cái xấu ra khỏi đời sống con người vẫn là một thách thức không nhỏ.

Bài học vô giá mà cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc Việt Nam để lại trong thế kỷ 20 là tập hợp và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nước lấy dân làm gốc; gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân; chở thuyền và lật thuyền cũng là dân. Thực tế cho thấy, trong cuộc đấu tranh đẩy lui cái xấu, cái ác, muốn giành thắng lợi thì nhất quyết phải được sự ủng hộ, đồng lòng, hợp sức của nhân dân và công luận.

Ôn lại Chiến thắng 30/4/1975 là dịp để mỗi người Việt Nam nhìn lại mình, nhìn lại đất nước sau nhiều năm hòa bình, để phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những khó khăn, yếu kém. Bởi lẽ, lịch sử là tấm gương phản chiếu cho tương lai, là bệ đỡ, là nhân tố làm nên thắng lợi. Biết kế thừa bài học chiến tranh, cả thành công và thất bại, không né tránh khuyết điểm, không thỏa mãn với thành tích, nhất định đất nước ta sẽ phát triển bền vững, đạt được nhiều thắng lợi trên mặt trận không tiếng súng.■

Quá trình xác định giá trị doanh nghiệp sẽ được rút ngắn nếu KTNN tham gia ngay từ đầu

Trò chuyện với **ông Đặng Quyết Tiến** - Phó cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính

Thưa ông, thời gian gần đây, Chính phủ đã cho thấy sự quyết tâm rất lớn trong việc đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa (CPH) DNNN. Vậy xin ông cho biết, các cơ quan liên quan đang có những hành động cụ thể nào để thực hiện hiệu quả chủ trương này?

Với quyết tâm hoàn thành việc CPH trong giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã công khai danh mục các DNNN sẽ CPH và danh mục các DN mà Nhà nước cần nắm giữ phần trăm cổ phần. Trên cơ sở đó, các DN 100% vốn nhà nước và các DNNN đã CPH nhưng vốn nhà nước còn chiếm tỷ lệ chi phối đều căn cứ vào Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại DNNN, DN có vốn nhà nước và danh mục DNNN thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020 để thực hiện rà soát và rút bớt tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước.

Để đảm bảo cho tiến trình CPH thay đổi về chất và đảm bảo tiến độ, các Bộ, ngành đã xây dựng, hoàn thiện và trình Chính phủ cơ chế, chính sách mới về CPH. Thực chất đây là việc tập trung lại những vấn đề trước đây đã xử lý nhưng có bổ sung thêm một số cơ chế, chính sách mới và quy định cụ thể, rõ ràng hơn trước cho phù hợp với Hiến pháp 2013. Đó là, tập trung vào khâu tổ chức thực hiện, gắn với trách nhiệm của DN, của người đứng đầu DN; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư, của xã hội; tháo gỡ những khó khăn, làm rõ những vướng mắc về đất đai để xác định giá trị DN, đồng thời cũng đảm bảo công khai, minh bạch thông tin, ngăn ngừa việc các nhóm lợi ích thao túng trong quá trình CPH, gắn CPH với việc niêm yết cổ phần trên thị trường chứng khoán.

Mới đây, Bộ Tài chính đã hoàn thiện Dự thảo Nghị định về CPH DNNN để áp dụng trong thời gian tới. Dự thảo lần này được kỳ vọng sẽ đảm bảo các yêu cầu như: quy định rõ ràng, cụ thể về quy trình, đảm bảo minh bạch, công khai thông tin để quá trình CPH được thực hiện đúng cơ chế thị trường và có sự giám sát của các tầng lớp dân cư ngoài cơ quan quản lý nhà nước.

Trong các báo cáo kiểm toán đối với DNNN, KTNN thường dành một phần rất quan trọng để đánh giá công tác CPH. Theo ông, công tác này cần điều chỉnh nội dung gì để phù hợp với tình hình CPH ở thời điểm hiện tại?

Tôi cho rằng, trong thời gian qua, khi thực hiện yêu cầu của Quốc hội và Chính phủ trong việc kiểm toán kết quả xác định giá trị DN cũng như kiểm toán cả quá trình tái cơ cấu DNNN, KTNN đã phát hiện và giảm bớt thiệt hại cho Nhà nước do vốn nhà nước được tính chưa chính xác và chưa phản ánh đúng giá trị thực tế để làm cơ sở xác định giá khởi điểm cho đấu giá. Tuy rằng, phải đến khi đấu giá trên thị trường thì vốn nhà nước mới mang lại giá trị cuối cùng, nhưng khâu xác định giá trị khởi điểm cũng cần phải được làm chặt chẽ

để tránh hiện tượng xác định giá quá thấp.

Qua kết quả kiểm toán, KTNN đã giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước kịp thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách để đáp ứng những nghiệp vụ kinh tế cũng như những vấn đề về kinh tế thị trường mới phát sinh; phát hiện những vấn đề đã quy định trong cơ chế, chính sách nhưng cách hiểu còn chưa rõ ràng để điều chỉnh theo đúng tinh thần Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020.

KTNN còn góp phần giúp các cơ quan quản lý và DN thấy được chất lượng, trách nhiệm, mặt mạnh, mặt hạn chế, vấn đề đạo đức nghề nghiệp của các công ty tư vấn định giá. Ngành tư vấn định giá mới phát triển tại Việt Nam trong thời gian gần đây nên rất cần có sự hỗ trợ, giám sát, kiểm tra, đôn đốc để thực hiện đúng các nguyên tắc và chuẩn mực về thẩm định giá.

Trong Dự thảo Nghị định về CPH, chúng tôi tiếp tục đề nghị KTNN bổ sung vào kế hoạch kiểm toán hàng năm việc kiểm toán kết quả xác định giá trị DN đối với các DN CPH có quy mô lớn, từ đó tiến tới kiểm toán tổng thể cả quá trình CPH của DN.

Để đạt được mục tiêu này, các cơ quan đại diện chủ sở hữu phải gửi kế hoạch CPH cho KTNN để ngành chủ động xây dựng kế hoạch kiểm toán hàng năm, đồng thời, các cơ quan này phải nghiêm túc đôn đốc DN triển khai CPH theo đúng tiến độ, tránh dồn ứ làm lệch kế hoạch và ảnh hưởng tới tiến độ kiểm toán của KTNN. Ở chiều ngược lại, KTNN cũng cần chủ động tiếp nhận và xây dựng kế hoạch kiểm toán các DN CPH. Trong quá trình kiểm toán, KTNN cần kịp thời trao đổi với các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT và các cơ quan đại diện chủ sở hữu để xử lý những vấn đề phát sinh nhằm đảm bảo đến thời điểm ban hành kết luận kiểm toán là DN đã có các giải pháp xử lý phù hợp, không làm chậm tiến độ CPH.

Ông vừa nhắc đến công tác xác định giá trị DN - một vấn đề đang rất được quan tâm hiện nay. Dưới góc nhìn chuyên môn, ông đánh giá như thế nào về chất lượng của các hoạt động này tại Việt Nam?

Theo tôi, công tác định giá DN trong thời gian qua về cơ bản đã thực hiện được các yêu cầu đã đề ra. Các công ty tư vấn, định giá đã áp dụng theo các quy định, chuẩn mực về thẩm định giá và biện pháp xác định giá.

Các DN đã thực hiện kiểm toán độc lập, tiến hành cải thiện hệ thống thống kê, quản trị DN nhưng do chưa làm được nhiều, chưa đồng bộ nên DN vẫn còn giấu nhiều khoản thua lỗ, nhiều dự án kém hiệu quả. Chỉ đến khi tái cơ cấu và hoạt động sản xuất, kinh doanh chính gặp khó khăn, những việc này mới lộ ra.

Thời gian qua, công tác định giá đã bộc lộ một số khiếm khuyết, thiếu sót như: xác định giá trị DN chưa đúng, chưa đầy đủ, chưa phù hợp theo quy định, nguyên nhân là do năng lực, chất lượng của các công ty thẩm định giá chưa đồng đều. Ngoài ra, cũng có những công ty thẩm định giá không bảo đảm được tính độc lập nên kết quả định giá không khách quan. Sau khi nhận thấy bất cập này, Chính phủ đã yêu cầu KTNN kiểm toán lại. Các kết quả mà KTNN phát hiện và kiến nghị đã giúp cho các bên liên quan chấn chỉnh được thiếu sót, Nhà nước bảo toàn được vốn và xã hội hiểu được giá trị thực của DN.

Tới đây, cơ chế mới sẽ quy định rõ hơn, cụ thể hơn về điều kiện, trách nhiệm của các công ty tư vấn, thẩm định giá khi xác định giá trị DN. Tuy các trường hợp thẩm định giá có thiếu sót không nhiều nhưng cũng làm cho dư luận băn khoăn về chất lượng của các công ty tư vấn định giá. Chính vì vậy, bên cạnh việc các công ty tư vấn định giá phải tự rà soát, nâng cao chất lượng thì các cơ quan quản lý, hiệp hội nghề nghiệp cũng cần tăng cường giám sát và kiểm tra hoạt động nghề nghiệp của các công ty này.

Khi các DNNN thực hiện xác định giá trị DN, chúng ta nên đấu thầu để chọn công ty tư vấn của Việt Nam và quốc tế. Thời gian qua, do yêu cầu về tiến độ, các DN CPH chủ yếu tiến hành chỉ định thầu, việc này có thể không bao quát được hết các công ty tư vấn có chất lượng. Một lý do khác mà các DN CPH nêu ra là chi phí cho CPH quá thấp nên họ không thể tổ chức đấu thầu được. Trong trường hợp đó, Chính phủ đã quy định DN báo cáo cơ quan chủ sở hữu, nếu cơ quan này không quyết định được thì cần báo cáo lên Thủ tướng. Tuy nhiên, hầu hết các DN đều không thực hiện như vậy vì họ muốn làm chậm thời gian hoặc làm giảm giá trị xuống để xin chỉ

Rõ ràng, trong quá trình thực hiện CPH DNNN thì các Bộ chủ quản cũng là người trong cuộc, chính vì thế, vấn đề này cần phải có sự giám sát và kiểm tra từ bên ngoài, đó là KTNN.

định thầu. Tới đây, theo Dự thảo Nghị định mới, chi phí CPH sẽ không bị khống chế mà được gắn vào chi phí thực tế do ban chỉ đạo CPH của DN và cơ quan chủ sở hữu quy định, với điều kiện các chi phí này có đầy đủ chứng từ và tuân thủ Luật Kế toán. Khi kết thúc CPH và quyết toán, những khoản chi phí lớn phải được kiểm toán độc lập.

Năm 2016, sau khi thực hiện kiểm toán kết quả định giá và xử lý các vấn đề về tài chính tại 6 DN CPH, KTNN đã phát hiện vốn nhà nước tăng thêm hàng chục nghìn tỷ đồng. Ông có ý kiến gì về vấn đề này?

Năm 2016, sau khi kiểm toán lại phương án xác định giá trị DN của các tập đoàn lớn như Tập đoàn Cao su Việt Nam, Tổng công ty Lương thực miền Nam, các dự án lớn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, tổng công ty của Hà Nội và TP.HCM…, KTNN phát hiện khâu tư vấn đã làm cho giá trị DN bị xác định thấp hơn so với giá thị trường tại thời điểm kiểm toán.

Phát hiện của KTNN cho thấy rõ những thiếu sót của khâu thẩm định giá trị DN tại thời điểm định giá. Giá trị DN được xác định đến ngày 31/12 nhưng công ty thẩm định giá chưa tính đến lợi tức được chia và chưa đưa vào báo cáo. Lẽ ra, DN phải công khai điều này để nhà đầu tư biết vẫn còn một khoản lợi tức của Nhà nước sẽ được chia, từ đó họ sẽ trả giá cao lên. Khi giá cao lên như thế, nếu khâu quyết toán làm chặt chẽ thì vẫn thu được về cho Nhà nước, nhưng nếu Nhà nước không làm chặt thì khoản lợi tức đó sẽ chỉ thuộc về một nhóm cổ đông mà thôi.

Rõ ràng, trong quá trình thực hiện CPH DNNN thì các Bộ chủ quản cũng là người trong cuộc, chính vì thế, vấn đề này cần phải có sự giám sát và kiểm tra từ bên ngoài, đó là KTNN.

Vậy theo ông, trong quá trình xác định giá trị DN CPH, KTNN nên tham gia từ khâu nào?

Tôi rất hoan nghênh việc KTNN tham gia ngay từ khâu bắt đầu xác định giá trị DN vì việc này sẽ giúp rút ngắn quá trình xác định giá trị DN theo đơn vị tháng.

Thực tế, khâu xác định giá trị DN thường mất khoảng 3 tháng. Trường hợp KTNN kiểm toán lại phần kết quả xác định giá trị DN chỉ khoảng 1-2 tháng. Do đó, tổng thời gian là 4 đến 5 tháng, sau đó là xử lý hiệu chỉnh theo kết luận kiểm toán khoảng 1 tháng.

Nếu tham gia ngay từ khi DN chốt các số liệu thì có thể KTNN sẽ kịp thời tư vấn, giám sát, cảnh báo ngăn ngừa sai lệch trong việc tính toán, xác định giá trị tài sản DN. Cái hay của phương án này là KTNN có thể nắm bắt được quy trình và có thể giúp cho tiến độ CPH của DN được nhanh hơn. Tuy nhiên, điều khó khăn là khi đó KTNN chưa có đủ cơ sở tài liệu, chứng từ và có thể sẽ không đảm bảo tính độc lập, khách quan của KTNN. Để làm được phương án này đòi hỏi phải thiết kế quy trình kiểm toán khoa học và chặt chẽ.

Năm 2017, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của KTNN là tiếp tục thực hiện kiểm toán tái cơ cấu DNNN, ông có đề xuất gì để KTNN thực hiện các cuộc kiểm toán này đạt kết quả cao nhất?

Với đội ngũ kiểm toán viên có trình độ, kinh nghiệm, KTNN đã làm tốt và sâu trong các cuộc kiểm toán vấn đề sắp xếp, CPH, thoái vốn theo cơ chế thị trường. Chúng tôi thấy rằng, qua việc kiểm toán xác định giá trị DN nói riêng và kiểm toán quá trình tái cơ cấu DNNN nói chung, KTNN đã bám sát yêu cầu, mục tiêu và các quy định về tái cơ cấu DNNN.

Để các cuộc kiểm toán đạt kết quả cao nhất, trong thời gian tới, chúng tôi rất mong KTNN bổ sung thêm nội dung kiểm toán việc chấp hành các quy định về công khai thông tin và giám sát tài chính. Đây là những nội dung rất quan trọng, nó có thể giúp phát hiện, cảnh báo và phòng ngừa, không để sai sót đi quá xa, rủi ro quá lớn. Việc kiểm toán này cũng sẽ giúp các bên liên quan xem xét hệ thống chỉ số về công khai thông tin, về giám sát tài chính đã đầy đủ chưa, đã phù hợp chưa để từ đó hoàn thiện, đảm bảo các yêu cầu quản lý của Nhà nước, vừa giúp DN vẫn bảo vệ được bí quyết kinh doanh, vừa giúp người dân có đủ thông tin để giám sát và tin tưởng vào người mình giao vốn, vì vốn của nhà nước cũng là vốn của người dân.

Đây là những nội dung tương đối mới, khó và mang nhiều yếu tố định tính hơn định lượng. Tuy nhiên, nó có ý nghĩa rất lớn không chỉ đối với DN 100% vốn nhà nước mà còn có ý nghĩa đối với cả DN sau CPH.

Xin cảm ơn ông! ■

THU HƯỜNG ***(thực hiện)***

Cần phát huy tối đa hiệu quả của từng đồng vốn vay từ Ngân hàng Thế giới

Vừa qua, nhân chuyến thăm Việt Nam, **bà Kristalina I.Georgieva** - Tổng giám đốc điều hành Ngân hàng Thế giới (WB) đã có cuộc gặp gỡ với giới báo chí và trả lời một số câu hỏi liên quan đến sự phát triển của kinh tế nước ta, đặc biệt là những dự định mà WB sẽ triển khai đối với khối DNNN trong thời gian sắp tới.
Phóng viên Báo Kiểm toán đã có mặt và ghi lại một số nội dung cuộc họp báo này.

Thưa bà, đến Việt Nam lần này, việc đầu tiên là bà đi thăm Nhà máy thủy điện Trung Sơn - dự án thủy điện đầu tiên của Việt Nam được WB hỗ trợ vốn. Bà đánh giá như thế nào về Dự án này?

Chuyến thăm của tôi tới Việt Nam được bắt đầu bằng việc thăm Nhà máy thủy điện Trung Sơn (xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Đây là dự án có tổng mức đầu tư trên 410 triệu USD, trong đó vốn vay của WB là 85%, số còn lại là vốn đối ứng của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN). Ngoài việc mang lại nguồn năng lượng sạch, dự án này còn giúp giảm 1 triệu tấn khí carbon điôxit mỗi năm và góp phần kiểm soát lũ ở vùng đầu nguồn, đồng thời giúp cho người dân bị ảnh hưởng bởi Dự án có cơ hội về nhà ở cũng như có cơ hội sinh kế tốt hơn. Nhà máy thủy điện Trung Sơn là một minh chứng cho sự tiến bộ rất đáng kể của Việt Nam khi vừa mang lại lợi ích cho người dân vừa đảm bảo lợi ích cho nền kinh tế.

WB đã tuyên bố sẽ cho EVN vay vốn ngay cả khi Chính phủ Việt Nam không tiếp tục bảo lãnh. Vậy sắp tới, WB có mở rộng khoản vay cho các DNNN khác hay không?

WB có thể hợp tác với các cơ quan chính quyền ở địa phương mà không cần có bảo lãnh của Chính phủ và chúng tôi sẽ cung cấp các loại bảo lãnh khác nhau. Ví dụ, có thể WB bảo lãnh rủi ro một phần nhằm giúp tăng cường mức độ tín nhiệm tín dụng cho EVN.

Khi xem xét EVN, chúng tôi sẽ hỗ trợ để DN này xác định được đâu là mức xếp hạng tín dụng mở của họ. Tức là, nếu EVN ra thị trường thì thị trường sẽ xếp hạng họ như thế nào. Trên cơ sở đó, WB sẽ giúp EVN xây dựng và nâng cao vị thế của mình nhằm huy động vốn trên thị trường với lãi suất thấp nhất. Nếu thấy phù hợp, chúng tôi sẽ hỗ trợ tăng cường xếp hạng tín nhiệm tín dụng cho EVN thông qua công cụ bảo lãnh rủi ro một phần hoặc qua một số công cụ khác.

Khi vị thế tài chính của EVN được cải thiện, WB sẽ xem xét để hợp tác trực tiếp với DN này trong một nhiệm vụ rất quan trọng, đó là tăng cường tỷ trọng năng lượng tái tạo, đặc biệt là nguồn năng lượng mặt trời và có thể là cả nguồn năng lượng gió. Như các bạn đã biết, Việt Nam gần như đã khai thác hết tiềm năng về thủy điện nên phải tìm kiếm những biện pháp khác để tạo ra được nguồn năng lượng tái tạo. Đất nước các bạn có lợi thế là nhiều ánh sáng mặt trời, các bạn nên biến ánh sáng mặt trời thành năng lượng. Chúng tôi sẽ cùng với EVN tạo lập một môi trường pháp lý làm cơ sở, đồng thời cũng hỗ trợ huy động đầu tư từ khu vực tư nhân trong lĩnh vực phát triển năng lượng mặt trời.

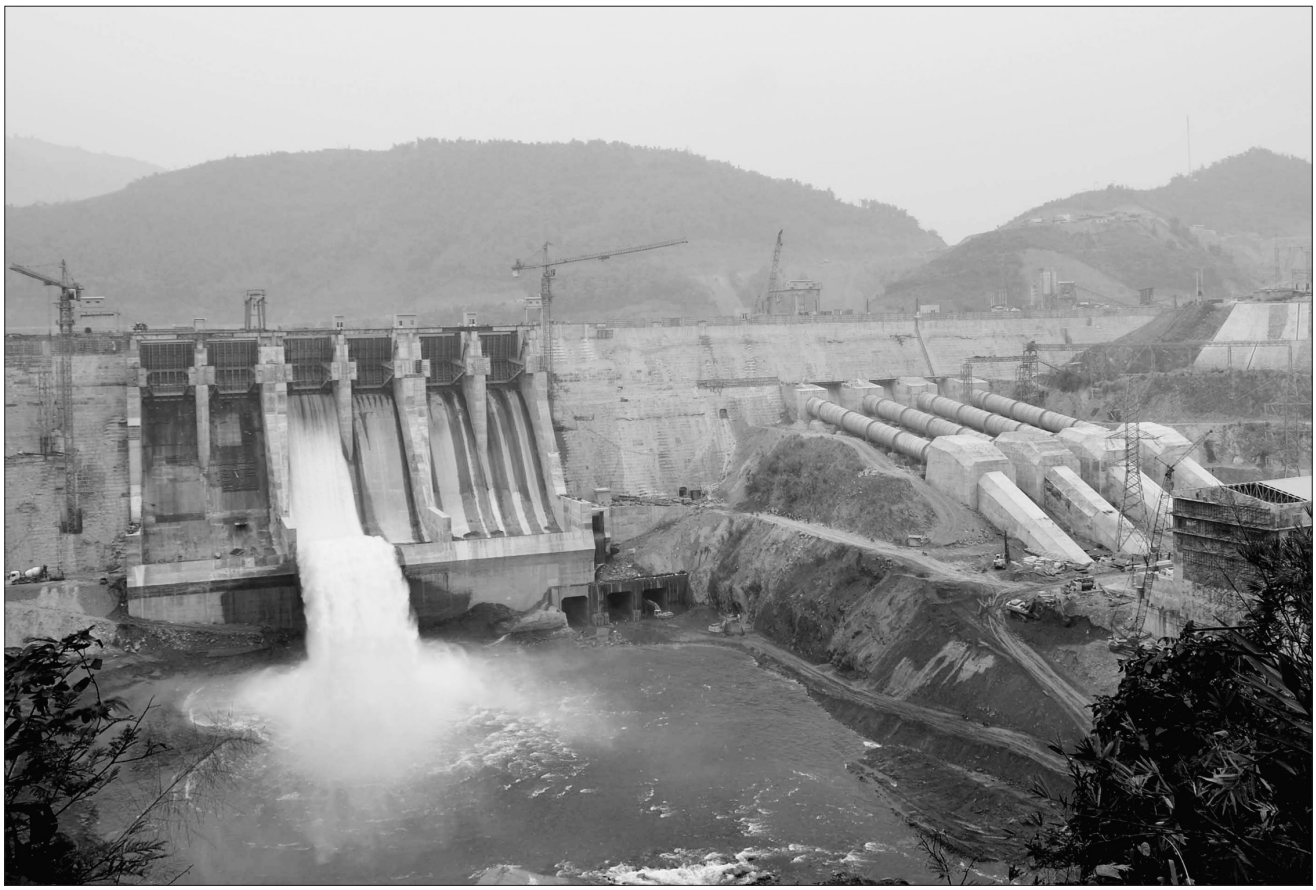

Tôi cũng muốn chia sẻ thêm những việc mà WB đang và sẽ làm trong những năm tới là vấn đề an toàn đập thủy điện và cải tạo đập. Việt Nam đã thực hiện rất tốt việc tạo ra công suất thủy điện cũng như xây dựng đập, nhưng còn rất nhiều điều cần phải làm. Để tất cả các đập đạt tiêu chuẩn, các bạn phải tiếp tục đầu tư để cải tạo và duy trì công suất của đập.

Đối với những DNNN khác, chúng tôi thấy rằng bây giờ vẫn còn quá sớm để nói về những khoản vay tương tự.

Việt Nam đang sửa đổi Luật Quản lý nợ công, bà có khuyến nghị gì để luật này thực sự hiệu quả khi áp dụng?

Đối với Việt Nam, việc quản lý tài khóa một cách thận trọng là điều rất cần thiết để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững. Việt Nam đã đặt ra ngưỡng nợ công hàng năm không vượt quá 65% GDP. Tôi không phải là chuyên gia về lĩnh vực này nên tôi không thể nói rằng đây có phải là tỷ lệ phù hợp hay không, nhưng theo tôi, việc Việt Nam đưa ra mức trần cho nợ công là tín hiệu tốt trong quá trình quản lý tài chính.

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ nên tập trung cải thiện hoạt động thu ngân sách như: tạo điều kiện cho các nhà đầu tư hoạt động và đóng góp cho ngân sách, đưa ra những cơ chế để thu hồi vốn đối với dịch vụ công mà cụ thể là thu hồi vốn trong việc cung cấp điện, nước, thu gom rác…

Về chi ngân sách, việc cải cách DNNN sẽ đóng một vai trò rất quan trọng. Nếu lực lượng DNNN hoạt động hiệu quả hơn và nếu sự tham gia của tư nhân vào các lĩnh vực Nhà nước không cần thiết nắm giữ được mở rộng thì hoạt động thu ngân sách cũng tốt hơn, từ đó Nhà nước sẽ có điều kiện đầu tư cho con người và đầu tư cho nghiên cứu phát triển.

Trong bối cảnh hiện tại, Chính phủ phải tăng thu hoặc giảm chi ngân sách, hoặc phải thực hiện cả hai. WB sẽ giới thiệu kinh nghiệm của các nước khác với Việt Nam và đưa ra cái nhìn trung lập về các chính sách vĩ mô. Cùng với đó, chúng tôi sẽ nhìn nhận lại các chương trình mà WB đã tài trợ để những dự án này hiệu quả hơn, việc huy động nguồn lực, đặc biệt là huy động từ khu vực tư nhân tốt hơn. Trong các buổi làm việc với Chính phủ và một số cơ quan của Việt Nam, chúng tôi luôn nhấn mạnh rằng, cần phải phát huy tối

đa lực bẩy tài chính của từng đồng vốn mà WB đã cho Việt Nam vay, để nguồn tiền này có thể tác động mạnh hơn nữa, tích cực hơn nữa đến sự phát triển kinh tế của đất nước các bạn.

WB dự báo như thế nào về chỉ số tăng trưởng của Việt Nam trong năm nay, thưa bà?

Chúng tôi dự báo kinh tế của Việt Nam năm 2017 sẽ tăng trưởng từ 6,5-6,7%. Trong bối cảnh tất cả các nước trên thế giới đều tăng trưởng chậm, tỷ lệ tăng trưởng sau suy thoái rất đáng thất vọng là 2,3%, vốn dành cho đầu tư thấp, mức độ dễ tiên liệu của chính sách kinh tế ngày càng giảm đi, thì mức tăng trưởng của Việt Nam hiện nay là rất ấn tượng.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải lưu ý rằng, một số động lực cho tăng trưởng truyền thống như nguồn nhân công giá rẻ và tăng trưởng chủ yếu dựa vào xuất khẩu sẽ không tồn tại mãi. Vậy nên, Việt Nam cần phải tạo ra nền móng để có được những động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế. Việc này phụ thuộc vào tốc độ Việt Nam thực hiện cải cách những lĩnh vực mà tôi đã đề cập ở trên. Bên cạnh đó, các bạn cũng cần tập trung phát triển những kỹ năng mà nền kinh tế sẽ cần trong tương lai, chẳng hạn như việc tạo ra cơ hội học tập suốt đời cho người dân và chất lượng giáo dục. Việt Nam đã đảm bảo tỷ lệ nhập học và đạt hiệu quả giáo dục rất tốt ở bậc giáo dục phổ thông nhưng ở cấp giáo dục cao hơn thì còn phải cải thiện nhiều hơn nữa, đặc biệt là chú trọng phát triển kỹ năng cho người học. Quan trọng nhất là phải cải cách và tập trung vào chất lượng nguồn vốn con người. Đó sẽ là điều quyết định sự thành công của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020 và cả trong 30-50 năm tới.

Cuối năm 2016, WB công bố báo cáo "Môi trường kinh doanh 2017: Cơ hội bình đẳng cho mọi người", theo đó, chỉ số khởi sự kinh doanh của Việt Nam đã sụt giảm tới 10 bậc. Bà có thể đưa ra những tư vấn để giúp Việt Nam thu hút được các nhà đầu tư?

Việt Nam đã tạo được những cơ hội, những điều kiện để người dân có thể khởi nghiệp và hỗ trợ khu vực DN vừa và nhỏ phát triển cả về số lượng cũng như chất lượng. Tuy nhiên, theo chúng tôi, Chính phủ cần phải quan tâm tới những nhân tố giúp tăng cường khả năng tiên liệu, khả năng dễ dự đoán của môi trường pháp lý, cách thức triển khai các quy định, cơ chế giải quyết tranh chấp hay xung đột và những cải cách đóng vai trò quan trọng về quản trị nhà nước.

Chúng tôi đã hỗ trợ Việt Nam hàng loạt các chương trình để tạo ra môi trường kinh doanh tốt hơn như: cải cách ngân sách hay tài khóa, phát triển kinh doanh, quản trị hiện đại, môi trường…

Một trong những nhân tố thu hút đầu tư trong tương lai là không khí sạch hơn, nguồn nước sạch hơn, môi trường tốt hơn. Chúng tôi rất mong muốn tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong những lĩnh vực này.

Xin bà cho biết những dự định mà WB sẽ triển khai đối với Việt Nam trong thời gian tới?

Vừa rồi, tôi đã có cuộc gặp với lãnh đạo Quốc hội, Chính phủ, NHNN và Bộ KH&ĐT. Trong các cuộc gặp này, chúng tôi đều khẳng định thông điệp: WB rất tự hào và vinh hạnh được là một đối tác của Việt Nam, kể cả khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình vào năm 2018. Tôi đã đến Việt Nam vào năm 2000 và lần này những thay đổi của Việt Nam đã làm cho trái tim tôi ấm lại. Xin gửi lời chúc mừng nồng nhiệt đến Chính phủ và nhân dân Việt Nam vì những tiến bộ mà các bạn đã đạt được. Tôi tin rằng, Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng cao từ 6-6,5%/năm trong tương lai.

WB chuẩn bị ký kết khoảng 1,8 tỷ USD để hỗ trợ Việt Nam chống biến đổi khí hậu. Trong số này, có một dự án hỗ trợ giảm nghèo và một chương trình tương đối lớn về quản lý tài nguyên nước. Cùng với đó, chúng tôi sẽ giúp Việt Nam cải thiện môi trường đô thị vì hiện nay cư dân dịch chuyển về đô thị sinh sống ngày càng đông. Chúng ta phải ưu tiên phát triển đô thị để người dân có điều kiện dịch chuyển cũng như có điều kiện sống tốt hơn ở đô thị.

WB cũng sẽ hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp. Đây là lĩnh vực có sự liên kết với môi trường và nguồn tài nguyên nước. Bên cạnh đó, chúng tôi còn hỗ trợ phát triển khu vực tư nhân và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan của Việt Nam ở tất cả các cấp. Hy vọng, WB sẽ tiếp tục là một đối tác tin cậy và được Việt Nam lựa chọn.■

THÙY ANH *(ghi)*

Ngành nông nghiệp cần những "cú huých" tốt để phát triển bền vững

Phỏng vấn **TS. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn** - Viện trưởng Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, Bộ NN&PTNT

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã thay đổi chiến lược trong chính sách về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Vậy ông đánh giá thế nào về các kết quả đạt được từ sự thay đổi này?

Thời gian qua, hai chương trình lớn nhất trong ngành nông nghiệp là tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đã đạt được một số thành tựu.

Về tái cơ cấu nông nghiệp:

Thứ nhất, cơ cấu sản phẩm có định hướng thị trường hơn, điển hình nhất là lúa gạo giảm đi và gia tăng sản lượng cây trồng, vật nuôi có lợi thế như: trái cây, một số loại cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản…

Thứ hai, về mặt tổ chức sản xuất, đến năm 2016, tuy bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, song các doanh nghiệp đã bắt đầu triển khai đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, điển hình là một số tập đoàn lớn như Vingroup, Hòa Phát… Thậm chí, một số doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng tham gia rất mạnh. Kết quả, số lượng tham gia mới tăng hơn 400 doanh nghiệp, từ đó tạo cơ hội tốt hơn về thị trường, và mối quan hệ giữa doanh nghiệp với nông dân cũng thực hiện theo chuỗi bài bản hơn.

Thứ ba, về khoa học công nghệ, các doanh nghiệp đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện khá tốt việc lựa chọn giống một số cây trồng, vật nuôi có tiềm năng.

Về xây dựng nông thôn mới, đến năm 2015, chương trình này không những đạt mà còn vượt chỉ tiêu, từ 20% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới năm 2015, đến tháng 6/2016 chúng ta đã đạt hơn 22%. Hiện, kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đang tiếp tục triển khai. Kế hoạch này có những điểm mới được rút kinh nghiệm từ giai đoạn trước, với các tiêu chí linh hoạt hơn, phân quyền cho địa phương nhiều hơn để tập trung thời gian cho

vấn đề sinh kế, môi trường và trật tự an ninh xã hội.

Theo ông, đâu là những khó khăn, vướng mắc mà lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tiếp tục phải giải quyết trong thời gian tới?

Tôi cho rằng, những thách thức đang đặt ra cả về mặt chủ quan và khách quan.

Về chủ quan:

Thứ nhất, muốn hình thành quy mô lớn, hoạt động theo chuỗi với sự hỗ trợ của khoa học công nghệ mới, linh hoạt theo thị trường, thì việc đầu tiên là phải loại bỏ một loạt vướng mắc về khung khổ pháp lý. Chẳng hạn, quy định không phải hộ nông nghiệp thì không được nhận chuyển nhượng đất lúa, quy định chuyển đổi đất lúa sang đất trồng những giống cây khác có giá trị cao hơn…

Thứ hai, để thu hút doanh nghiệp đầu tư, nền nông nghiệp phải được tạo điều kiện về đất đai, hạ tầng, tiếp cận vốn, khoa học công nghệ…

Thứ ba, khi chưa có nguồn lực cho tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, Nhà nước cần kêu gọi vốn từ tư nhân nhưng phải có một số vốn "mồi" nhất định, bởi đầu tư trong nông nghiệp rủi ro cao hơn và không thuận lợi như đầu tư trong công nghiệp đô thị. Hơn nữa, khi chính sách đưa ra mà nguồn lực chưa sẵn sàng thì những địa phương nghèo sẽ không đủ tiền để thực hiện.

Thứ tư, phải đẩy mạnh kinh tế hợp tác. Hiện nay, kinh tế hợp tác còn yếu và chưa đóng vai trò quan trọng. Nếu không có kinh tế hợp tác thì rất khó sản xuất quy mô lớn, sản phẩm đồng bộ, đảm bảo chất lượng và kết nối chuỗi giá trị.

Thứ năm, tạo thị trường khoa học công nghệ để kết nối các viện nghiên cứu nhà nước với doanh nghiệp theo cơ chế đặt hàng như cơ chế thị trường. Một số doanh nghiệp lớn có thể tự lập trung tâm khoa học công nghệ hay viện nghiên cứu, nhưng với các doanh nghiệp nhỏ, không đủ sức lập trung tâm riêng thì có thể thuê các viện nghiên cứu làm cho mình.

Thứ sáu, phải có những chỉ đạo quyết liệt trong xây dựng nông thôn mới. Quan trọng là xây dựng được những mô hình cụ thể, phù hợp với hoàn cảnh và sinh kế của người dân từng vùng.

Về khách quan: Biến đổi khí hậu ngày càng mạnh mẽ, quy mô tác động ngày càng ghê gớm hơn. Bên cạnh đó, vấn đề thị trường rất khó đoán định, dự báo. Thời gian gần đây, thương mại quốc tế có xu hướng giảm dần so với quy mô GDP. Một số nước quay lại bảo vệ việc làm

cho người dân. Họ muốn bảo hộ thương mại cho nên sẽ đưa ra những rào cản kỹ thuật. Thêm vào đó, khó khăn trong ngân sách buộc chúng ta phải chi tiêu hiệu quả.

Trong khi xuất khẩu gạo (ngành được coi là thế mạnh của Việt Nam) bị chững lại thì xuất khẩu rau quả trở thành điểm sáng, thậm chí còn vượt cả xuất khẩu dầu thô. Tại sao lại có sự đổi ngôi này, thưa ông?

Năm 2016, trong bối cảnh thiên tai và thời tiết chịu rất nhiều tác động xấu từ rét đậm, rét hại, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ… nhưng ngành nông nghiệp vẫn đạt mức tăng trưởng dương 1,36% so với năm 2015 và giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 32,1 tỷ USD. Điều này có được là nhờ nhiều chủ trương, định hướng về tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đã từng bước đi vào thực tế. Riêng xuất khẩu rau quả trở thành điểm sáng bởi đây là ngành rất có tiềm năng về thị trường và phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam. Về mặt thị trường, khi thu nhập tăng lên, người ta ăn ít gạo và ăn trái cây nhiều hơn. Bởi thế, năm vừa qua, khi chúng ta nới rộng diện tích trồng trái cây, hỗ trợ về giống và kết nối doanh nghiệp thì xuất khẩu rau quả tăng vọt lên 2,4 tỷ USD, riêng trái cây là 1,8 tỷ USD.

Theo kinh nghiệm các nước, lúa gạo sẽ ăn ít đi. Thị trường xuất khẩu gạo khó khăn hơn, xu hướng giá gạo đi ngang và đi xuống do quá nhiều nước cạnh tranh và các nước muốn bảo vệ thị trường lúa gạo vì lợi ích chính trị của họ. Tại Việt Nam, thời gian qua, lượng tiêu thụ gạo bình quân đầu người giảm nhanh hơn tốc độ tăng dân số. Trong khi tiêu thụ gạo bình quân đầu người giảm 2,1-2,2% thì tốc độ tăng dân số chỉ 1,1%, tức là mỗi năm giảm 1,1% lượng gạo tiêu dùng trong nước.

Thời gian tới, lĩnh vực xuất khẩu phải đẩy mạnh các mặt hàng có tiềm năng về thị trường như trái cây, tôm, hạt điều hay những mặt hàng mà thị trường trong nước còn rất tiềm năng như cây chè. Những thị trường xuất khẩu tốt cần tiếp tục giữ vững, không vội tăng trưởng nóng; cần duy trì diện tích, thay giống mới, đưa năng suất tốt hơn để đảm bảo chất lượng, cùng với đó là đẩy mạnh chế biến và đa dạng thị trường đối với một số mặt hàng như cà phê, cao su, cá tra…

Những năm gần đây, nông nghiệp xanh, sạch được xác định là một hướng đi quan trọng cho sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, thời gian qua, vấn nạn thực phẩm bẩn đã trở thành mối đe dọa lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe cộng đồng cũng như khả năng xuất khẩu. Theo ông, chúng ta cần có giải pháp như thế nào cho vấn đề này?

Phát triển nông nghiệp xanh tức là xanh ở mọi cấp độ từ nông trại, cộng đồng, cảnh quan vùng cho đến chuỗi giá trị quốc gia. Muốn vậy, nền nông nghiệp trước hết phải có những quy chuẩn, tiêu chuẩn về hành lang pháp lý và phân công trách nhiệm rõ ràng. Tiếp đó, phải phổ biến những tiêu chuẩn, quy chuẩn đó thông qua các hiệp hội, ngành hàng và tổ chức nông dân để mọi người tuân thủ, giám sát; có những chính sách hỗ trợ nhất định về hạ tầng, khoa học công nghệ, cơ chế hợp tác công tư; nâng cao năng lực để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Liên quan tới phát triển nông nghiệp sạch, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định dành gói tín dụng khoảng 100 nghìn tỷ đồng cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao với cơ chế vay thuận lợi, thông thoáng nhất. Theo ông, nguồn tín dụng này nên được quản lý như thế nào để có thể phát huy tác dụng một cách hiệu quả nhất?

Theo tôi, việc quản lý nguồn tín dụng đó nên phân thành 2 cấp:

Đối với cấp quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cùng đại diện các doanh nghiệp, hiệp hội, ngành hàng, đại diện một số địa phương cùng bàn bạc, để thiết kế, xây dựng các quy trình.

Đối với cấp địa phương, nếu các địa phương có những sáng kiến, những khu, cụm làm nông nghiệp công nghệ cao với các sản phẩm đặc trưng bản địa thì nên phân cấp cho địa phương đó ghi vào vốn đầu tư trung hạn của họ.

Tới đây, với quyết tâm của Chính phủ trong việc đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, tháo gỡ vướng mắc về khung pháp lý, chính sách, tập trung chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm trọng điểm, quy trách nhiệm rõ ràng, hy vọng ngành nông nghiệp sẽ có những "cú huých" tốt để phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn những chia sẻ của ông! ■

HỒNG ANH ***(thực hiện)***

Giải pháp nào để kéo ngành đường sắt đi lên?

THÙY LÊ

Trong bối cảnh phương tiện vận tải hàng không đang dần phổ biến với mọi người dân Việt Nam, ngành đường sắt vốn đã chậm lại càng trở nên ì ạch bởi những khó khăn muôn thuở chưa thể tháo gỡ. Với nhiều hành khách bây giờ, việc đi tàu chỉ là sự lựa chọn thứ 3 sau máy bay và xe khách. Mặc dù đã có những bước cải thiện về dịch vụ cũng như cơ sở vật chất, nhưng tư duy về chiến lược phát triển của ngành đường sắt vẫn theo một lối mòn, thậm chí là tụt hậu.

Nhiều lý do khiến ngành đường sắt bị bỏ lại phía sau

Tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV, trong phiên thảo luận về Dự án Luật Đường sắt (sửa đổi), các đại biểu Quốc hội cho rằng ngành đường sắt đang quá tụt hậu so với đường bộ và hàng không. Hiện nay, đường sắt Việt Nam vẫn cơ bản sử dụng thế hệ công nghệ đường sắt thứ 2 với hơn 3.100 km đường đơn khổ 1m có từ thời Pháp, đầu máy diesel tốc độ trung bình thấp, công nghệ điều hành thủ công nên năng lực thông qua và năng lực chuyên chở thấp khi chưa có tuyến nào vượt quá 25 đôi tàu/ngày đêm, hầu như không kết nối với các đầu mối giao thông, cảng biển, sân bay, khu kinh tế. Trong khi đó, công nghệ đường sắt thế giới đang ở thế hệ thứ 4 và chuẩn bị tiến sang thế hệ thứ 5 với khổ ray đôi 1,435m đệm từ trường, đầu máy điện tốc độ cao, năng lực thông qua trên đường đơn có thể đạt tới 40-45 đôi tàu/ngày đêm và đường đôi là 200-240 đôi tàu/ngày đêm.

Khi xây dựng Luật Đường sắt năm 2005, thị phần vận chuyển cả hàng hóa và hành khách của ngành này khoảng 5%, và sau hơn 10 năm, thị phần còn khoảng 1%, trong khi đường bộ chiếm thị phần gần 65% đối với hàng hóa và khoảng 94% đối với hành khách.

Theo ông Nguyễn Văn Thể - nguyên Thứ trưởng Bộ Giao thông Vận tải (GTVT), đường sắt là một trong những loại hình vận tải ưu việt mà tất cả các nước đều ưu tiên phát triển, nhưng trong 130 năm qua, Việt Nam hầu như không phát triển lĩnh vực này. Toàn bộ hệ thống chỉ là đường đơn, muốn chạy 2 chiều thì phải vào ga tránh nhau. Đi bằng đường hàng không từ Hà Nội vào TP.HCM chỉ khoảng 3-4 giờ (tính cả thời gian chờ và làm thủ tục), đường bộ cũng chỉ khoảng 12-15 giờ, còn đi bằng đường sắt mất 32 giờ nên ngành này không thể cạnh tranh là điều tất yếu. Ông Trần Thế Hùng - Trưởng ban Kế hoạch kinh doanh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (TCTĐSVN) - cho biết, từ 2013 đến nay, sản lượng vận tải hành khách của ngành đường sắt có xu hướng giảm đi, trong đó có cả cự ly từ 300-500km vốn là cự ly ưu việt của đường sắt trong vận tải hành khách hiện nay.

Ngoài vấn đề về công nghệ, dịch vụ, thời gian thì giá cả cũng là một vấn đề khiến đường sắt yếu kém so với các ngành vận tải khác. Hiện nay, các hãng hàng không liên tục tung ra các chương trình giảm giá, vé khuyến mại trên nhiều đường bay. Có lúc, giá vé chỉ vài chục nghìn/chiều, nếu tính cả phí về hệ thống, an ninh sân bay, phí thanh toán (khoảng 200-300.000 đồng/chuyến bay) thì giá vé khứ hồi cũng chưa đến 1 triệu đồng với thời gian bay dưới 4 giờ. Cùng một chặng đường như thế, vé ngồi mềm của tàu hỏa cũng đã có giá 700- 800 nghìn đồng, giường nằm dao động khoảng gần 2 triệu đồng. Vậy nên, hành

khách sẽ không ưu tiên lựa chọn đi lại bằng đường sắt.

Một nguyên nhân nữa khiến ngành đường sắt bị tụt lại chính là sự yếu kém, trì trệ nội tại cùng tâm lý bao cấp, trông chờ, chậm đổi mới để thích ứng cơ chế thị trường. Bên cạnh đó là sự lúng túng trong định hướng chính sách phát triển và phần nào đó là sự quan tâm chưa đúng mức của Nhà nước đối với ngành đường sắt.

Trên thực tế, ngành đường sắt đã có nhiều đổi mới như: tốc độ tàu đã nhanh hơn; dịch vụ cung cấp trên tàu đã đa dạng và phần nào đáp ứng yêu cầu của hành khách; thái độ phục vụ của nhân viên đã có nhiều thay đổi; nhà ga đã có các bảng chỉ dẫn cụ thể; khu vực lên, xuống tàu được nâng cao bằng mặt sàn tàu nên việc lên tàu rất dễ dàng và an toàn. Trên toa tàu, chăn gối sạch sẽ, dịch vụ ăn uống đầy đủ và cơ bản đi về đúng giờ theo lịch trình. Nói cách khác, ngành đường sắt đã thay áo mới để phục vụ tốt hơn. Tuy nhiên, dù thiết bị nội thất được thay thế mới nhưng phần vỏ của các toa tàu được sản xuất quá lâu, cũ kỹ nên tính tiện dụng và để làm sạch rất khó. Đối với hành khách, điều băn khoăn lớn nhất vẫn là giá vé của những chặng đường cự ly trung bình từ 500-800 km là khá cao, thời gian di chuyển lâu hơn so với đường bộ, điểm đến thiếu đa dạng nên sau khi xuống tàu, hành khách vẫn phải sử dụng dịch vụ vận tải đường bộ để chuyển tiếp.

Trông chờ vào Nhà nước hay tự vận động để thay đổi?

Tại cuộc họp của Ban Thường trực Ủy ban An toàn giao thông diễn ra vào tháng 11/2016, Bộ trưởng Bộ GTVT Trương Quang Nghĩa cho rằng, chuyện ngành hàng không vét hết khách của ngành đường sắt thì chỉ có ở Việt Nam. Giá phí dịch vụ sân bay ở Việt Nam đang rất rẻ nên di chuyển bằng hàng không bây giờ là lựa chọn số 1 của người dân, nhưng với bối cảnh kinh tế như hiện nay thì điều này là vô cùng bất hợp lý. Theo đó, Bộ trưởng đã chỉ đạo cần phải siết việc cấp phép bay trong dịp Tết để ngành hàng không bớt "vét" khách của ngành đường sắt.

Phát ngôn của lãnh đạo Bộ GTVT đã gây ra nhiều phản ứng trái chiều. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, trong cơ chế thị trường, các loại hình vận tải tự do cạnh tranh và người tiêu dùng có quyền thoải mái lựa chọn. Xã hội đang phát triển, không thể bắt người dân sử dụng hệ thống đường sắt đơn tuyến, lạc hậu như hiện nay. Việc hạn chế khách đi máy bay, buộc họ chuyển sang đi tàu là cách nghĩ bế tắc, đi ngược xu thế và không đúng với cơ chế thị trường. Bên cạnh đó, nhiều ý kiến cũng cho rằng, Nhà nước không thể tiếp tục hỗ trợ và bao cấp, ngành đường sắt phải vận động, thay đổi để thích ứng với thị trường, hợp quy luật, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Quy luật cạnh tranh cần được thực hiện đúng thì giao thông Việt Nam mới phát triển được. Việc này cũng sẽ giúp ngành đường sắt tự cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ và giảm giá thành để lấy lại ưu thế.

Cuối năm 2016, sau khi đi kiểm tra hoạt động khai thác tại ga Giáp Bát và ga Hà Nội, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã làm việc với lãnh đạo ngành đường sắt để đưa ra những định hướng phát triển trong thời gian tới. Theo Phó thủ tướng, nguồn lực đầu tư phát triển đường sắt hạn chế, việc xã hội hóa đường sắt khó khăn chính là những nguyên nhân cản trở phát triển và hiện đại hóa ngành đường sắt. Đến thời điểm này, nhận thức về vai trò của đường sắt trong tổng thể kết cấu hạ tầng giao thông nói chung cũng chưa nhất quán và rõ ràng. Ngoài ra, chưa có một bài toán để khẳng định đường sắt phải chiếm bao nhiêu phần trăm thị phần vận tải nên chưa có một cơ cấu đầu tư phù hợp.

Từng sinh sống, làm việc tại Mỹ và Úc, PGS.TS Nguyễn

Thiện Tống - nguyên chủ nhiệm bộ môn kỹ thuật hàng không Trường Đại học Bách khoa TP.HCM - chia sẻ: Các nước châu Âu luôn đặt ra vấn đề phát triển đồng bộ hệ thống giao thông, từ xe buýt, xe lửa, hàng không hay tàu điện ngầm. Giao thông ở các nước trên phát triển đồng đều, theo nhu cầu của hành khách. Khi phát triển một sân bay, họ phải cân nhắc sự cạnh tranh đối với đường bộ và đường sắt, tính theo nhu cầu của dân chúng và phân loại ra, nếu đường bộ, đường sắt đã phát triển, thu hút nhiều người tham gia giao thông thì sân bay sẽ hạn chế mở rộng. Theo ông Nguyễn Thiện Tống, thời gian qua nước ta phát triển giao thông chưa thật sự khoa học, việc sắp xếp, tổ chức còn bộc lộ nhiều hạn chế. Thay vì chỉ ồ ạt phát triển các dự án sân bay mới, Nhà nước cần tập trung thêm nguồn vốn phát triển giao thông đường sắt, đầu tư toa xe lửa hiện đại, tăng thêm nhiều tuyến thuận lợi với giá rẻ, đổi mới công tác quản lý để phục vụ hành khách một cách tối ưu.

Tuy nhiên, ông Trần Thế Hùng lại cho rằng, để giải quyết các vấn đề nội tại, ngành đường sắt không nên trông chờ từ Nhà nước, bởi hiện nay vốn nhà nước đầu tư cho đường sắt là rất khó khăn do điều kiện kinh tế chung. Ngay cả việc tìm vốn xã hội hóa cũng không phải là một phương án hữu hiệu, vì trên thực tế chủ trương xã hội hóa đường sắt đã được thực hiện từ 10 năm trước nhưng chủ yếu chỉ là đầu tư nâng cấp cải tạo các toa xe. Theo ông Hùng, để tăng sức cạnh tranh, ngành đường sắt phải chú trọng vào lĩnh vực thế mạnh của mình là khai thác, phục vụ hành khách ở cự ly 300 - 500 km. Đây là cự ly tối ưu để phương tiện vận tải này thu hút hành khách và tháo gỡ ách tắc trên tuyến vào các ngày cao điểm.

> "Vận tải đường sắt có vai trò hết sức quan trọng đối với nền kinh tế, bởi vậy, không cách nào khác, ngành đường sắt phải thực sự đổi mới để khẳng định mình."
>
> ***Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng***

Theo ông Đoàn Duy Hoạch - Phó Tổng giám đốc TCTĐSVN, ngành đường sắt hiện không có nhiều lợi thế cạnh tranh với đường bộ và hàng không. Trong điều kiện hiện nay, ngành chỉ biết nâng cao chất lượng dịch vụ, phát huy lợi thế chuyên chở để hoạt động, còn yêu cầu vượt lên ngành hàng không, đường bộ là rất khó. Về việc giảm giá vé ở cự ly trung bình, ông Hoạch cho biết, trước mắt Tổng công ty khuyến khích các đơn vị thành viên nghiên cứu giảm chi phí vận chuyển, chi phí điều hành, từ đó giảm giá cước chung nhằm thu hút khách.

Kết luận về hướng phát triển cho ngành đường sắt, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng chỉ rõ, vận tải đường sắt có vai trò hết sức quan trọng đối với nền kinh tế, bởi vậy, không cách nào khác, ngành đường sắt phải thực sự đổi mới để khẳng định mình. Phó Thủ tướng yêu cầu, thời gian tới Bộ GTVT và toàn ngành đường sắt cần nghiêm túc thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trước hết, cần tập trung hoàn thành báo cáo xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam để có thể tìm kiếm chủ đầu tư, trình Quốc hội cho chủ trương đầu tư vào năm 2018, từng bước đạt được mục tiêu đề ra. Đặc biệt, TCTĐSVN cần khắc phục triệt để những yếu kém nội tại, tiếp tục tái cơ cấu và đổi mới, từng bước đầu tư để khắc phục các nút thắt về kết cấu hạ tầng, đầu tư nâng cấp, cải tạo các nhà ga hành khách, trước mắt là các ga có lượng hành khách lớn, xóa bỏ các điểm giao cắt đồng mức giữa đường bộ, đường sắt. Phó Thủ tướng cũng yêu cầu phải sớm triển khai đầu tư kết nối hệ thống đường sắt quốc gia với các cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ khác, tăng cường kết nối giữa các loại hình, phương thức vận tải, kết nối đường sắt với các nước trong khu vực.

Ngay trong thời điểm này, với mục tiêu giúp ngành đường sắt nhận rõ những hạn chế, sai phạm, chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới, KTNN đã triển khai thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của TCTĐSVN. Nội dung cuộc kiểm toán tập trung vào việc tập hợp chi phí, giá thành vận tải đường sắt, toa xe, sản phẩm công ích, sản phẩm khác ngoài công ích, doanh thu, thu nhập trước và sau cổ phần hóa, đánh giá tình hình công nợ cũng như khả năng thanh toán, tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tình hình quản lý sử dụng lao động, tiền lương… Hy vọng cuộc kiểm toán lần này sẽ mang đến những thông tin số liệu tin cậy, góp phần thiết thực vào công cuộc "giải cứu" ngành đường sắt và cùng đưa ngành tiến nhanh về phía trước.■

Sự thận trọng cần thiết khi thay đổi chính sách

HỒNG NHUNG

Trong điều kiện hội nhập sâu rộng, những đòi hỏi về thay đổi chính sách là cần thiết và khách quan, tuy nhiên, những thay đổi đó cũng luôn là bài học đắt giá. Bởi lẽ, các chính sách khi được điều chỉnh, ban hành phù hợp với cuộc sống sẽ góp phần khơi thông dòng chảy kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững. Ngược lại, đó sẽ là rào cản, tác động tiêu cực đến dân sinh, thậm chí gây đảo lộn trật tự đời sống xã hội được thiết lập trước đó. Thận trọng khi thay đổi chính sách không chỉ là điều nên làm mà đã trở thành một yêu cầu cấp thiết. Nếu chính sách không hợp lý, hợp tình thì chắc chắn nó sẽ tạo nên cơn sốt trong dư luận và rất dễ "chết yểu" ngay từ khâu đề xuất. Câu chuyện xây dựng Dự thảo Quyết định khung giá vé máy bay cho các đường bay nội địa có thể xem là một minh chứng cho vấn đề này.

Áp dụng khung giá vé máy bay - cần hay không cần?

Khi hãng hàng không Jetstar Pacific đề xuất áp thêm giá sàn cho các đường bay nội địa, ngay lập tức, đề xuất này vấp phải nhiều phản ứng trái chiều. Có thể dễ dàng lý giải sự phản đối của người dân khi họ biết áp giá sàn cũng đồng nghĩa với việc không còn nhiều cơ hội được mua vé máy bay giá rẻ, nhưng điều đáng nói là chính các hãng hàng không cũng có những ý kiến khác nhau về vấn đề này.

Tại cuộc họp lấy ý kiến các hãng hàng không về Dự thảo Quyết định khung giá dịch vụ vận chuyển hàng không hạng vé phổ thông cơ bản trên các đường bay nội địa để thay thế Quyết định 3282/QĐ-BTC ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính do Bộ Giao thông Vận tải (GTVT) tổ chức ngày 17/3, đại diện hãng Jetstar Pacific cho biết, từ năm 2014 đến 2016, mức tải cung ứng trên các đường bay nội địa tăng hơn 30%/năm nên các hãng hàng không liên tục phải giảm giá vé và sẽ tiếp tục giảm (có khi bán thấp hơn giá thành) để hút khách. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và sự phát triển bền vững của ngành hàng không. Thậm chí, hãng này còn lo hộ cho ngành đường sắt và đường bộ khi cho rằng, giá vé máy bay thấp hơn giá vé đường sắt, đường bộ có thể tạo ra sự phát triển mất cân đối giữa ngành hàng không và các ngành vận tải khác. Từ những lý do này, Jetstar Pacific đưa ra đề xuất là cần phải có giá sàn để xây dựng khung giá. Phương thức cụ thể là, lấy chi phí trực tiếp của chuyến bay để làm căn cứ xây dựng quy định giá sàn và dự kiến áp dụng cho 5 nhóm đường bay, dao động từ 29-34% giá trần.

Đồng quan điểm, Vietnam Airlines cũng đề nghị Bộ GTVT xây dựng giá sàn dựa trên cơ sở chi phí biến đổi cộng với chi phí thiết bị bay. Vietnam Airlines cho biết, doanh thu trung bình/khách của hãng trên toàn mạng bay nội địa có xu hướng giảm: năm 2016 là 1,3 triệu đồng/khách, giảm mạnh so với mức 1,48 triệu đồng/khách của năm 2015 và 1,58 triệu đồng/khách của năm 2014. Trong khi đó, giá nhiên liệu và tỷ giá USD/VNĐ có chiều hướng tăng, làm tăng mức chi phí bình quân/ghế cung ứng so với thời điểm áp mức giá trần hiện nay. Lấy chi phí một chuyến bay bằng máy bay Airbus A321 trên đường bay có cự ly trên 1.280km làm cơ sở, hãng này đưa ra mức giá trần là 4,2 triệu đồng/vé và giá sàn là 1,54 triệu đồng/vé. Theo tính toán của Vietnam Airlines, nếu áp dụng mức giá này, doanh thu của hãng sẽ tăng khoảng 2.500 tỷ đồng sau một năm.

Trái ngược với quan điểm của hai hãng trên, Vietjet Air không tán thành áp giá sàn đối với vé máy bay hạng phổ thông trên đường bay nội địa. Hãng này cho rằng, việc áp giá sàn dù dưới hình thức nào cũng không phù hợp với quy định của Luật Cạnh tranh năm 2014 và không phù hợp với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, việc áp giá sàn sẽ triệt tiêu cơ hội cạnh tranh giảm giá dịch vụ của các hãng và hạn chế cơ hội đi máy bay của người dân khi không có nhiều vé máy bay giá rẻ. Theo Vietjet Air, Nhà nước chỉ nên quản lý, giám sát giá dịch vụ, còn giá vé để các hãng hàng không tự quyết định.

Điều này sẽ giúp phản ánh trung thực về thị trường, tạo điều kiện để các hãng hàng không tự tính toán, cân đối nguồn thu, bảo đảm đủ bù đắp chi phí và có điều kiện nâng cấp dịch vụ, phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.

Năm 2014, khi sửa đổi Luật Hàng không, Quốc hội vẫn quyết định để khung giá. Như vậy, Luật Hàng không vẫn cho phép sử dụng giá trần, giá sàn để điều tiết. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, khi tính cạnh tranh của các hãng hàng không tại Việt Nam ngày càng tăng cao thì các chuyên gia cho rằng, khung giá là một trong những yếu tố mà thị trường tự điều tiết được.

Theo TS. Lương Hoài Nam - một chuyên gia giàu kinh nghiệm trong ngành hàng không, phương thức quản lý giá vé máy bay bằng khung giá (giá trần - giá sàn) trên mọi đường bay nội địa đã lạc hậu so với thực tiễn thế giới và cũng không hoàn toàn phù hợp với nước ta. Trách nhiệm của Nhà nước là đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh chứ không phải quyết định giá bán của các DN. Bởi vậy, ông Nam cho rằng, cách quản lý giá vé máy bay ở nước ta nên thay đổi theo hướng hội nhập quốc tế, thị trường hóa, giảm tối đa sự can thiệp của các cơ quan nhà nước.

Ông Nam phân tích, mặc dù điểm 2 Điều 116, Luật Hàng không (sửa đổi) ghi rõ: "Hãng hàng không quyết định giá vận chuyển hàng không nội địa trong khung giá do Bộ GTVT quy định", tuy nhiên không nên hiểu máy móc là Nhà nước cần phải quy định khung giá cho mọi tuyến bay nội địa. Bản thân nội dung này đã được cụ thể hóa tại mục b điểm 3 Điều 19, Luật Giá về việc Nhà nước chỉ quy định khung giá đối với "dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa tuyến độc quyền". Có nghĩa là, Nhà nước vẫn quản lý giá vé máy bay nội địa bằng khung giá như quy định của Luật Hàng không, nhưng chỉ đối với các tuyến bay nội địa độc quyền. Như vậy, Nhà nước không có nhu cầu áp dụng khung giá đối với các tuyến bay nội địa đã có cạnh tranh mà để thị trường điều tiết.

Chuyên gia kinh tế Vũ Đình Ánh cũng cho rằng, vấn đề duy nhất cần điều chỉnh trong chính sách quản lý giá vé máy bay là bỏ trần. “Trần vé máy bay được áp dụng trong trường hợp thị trường có tình trạng độc quyền. Hiện nay, thị trường hàng không đang cạnh tranh rất tốt, những hãng mới chia sẻ thị phần và vươn lên rất nhanh, kéo theo sự thay đổi của mô hình hàng không truyền thống. Thị trường không còn độc quyền nên không có lý do gì để tiếp tục duy trì chính sách giá trần. Còn việc đề nghị áp giá sàn, tôi cho là không cần thiết. Giá sàn chỉ có tác dụng để ngăn ngừa bán phá giá, cạnh tranh không lành mạnh. Thị trường hàng không

Việt Nam vừa qua đã cạnh tranh giảm giá rất mạnh để tạo ra nhiều phân khúc giá thấp, đáp ứng yêu cầu của nhiều đối tượng khách hàng, nhưng không có dấu hiệu bán phá giá" - ông Ánh nhấn mạnh.

Thay đổi chính sách luôn cần sự thận trọng và cầu thị

Tại cuộc họp báo quý I/2017 của Bộ GTVT, trả lời báo giới về đề xuất áp giá sàn vé máy bay, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam Lại Xuân Thanh khẳng định, đây là đề xuất của một hãng hàng không chứ không phải của cơ quan quản lý nhà nước. Tuy nhiên, cơ quan quản lý nhà nước phải có trách nhiệm trả lời, nghiên cứu đánh giá của hãng hàng không về việc nâng giá trần và bổ sung giá sàn.

Thứ trưởng Bộ GTVT Nguyễn Hồng Trường khẳng định, Bộ GTVT không bao giờ đặt lợi ích cho một hãng hàng không nào mà phải đặt lợi ích người dân lên trước. Quan trọng nhất là đưa ra cơ chế phù hợp. Thứ trưởng cho biết, Bộ GTVT đã giao Cục Hàng không đánh giá, nghiên cứu về khung giá trần, giá sàn vé máy bay nhưng thận trọng, khoa học và cầu thị để lắng nghe rộng rãi ý kiến phản biện của các nhà khoa học, các chuyên gia, DN để có đề xuất chính thức lên Bộ GTVT.

Mới đây, tại cuộc họp Ban cán sự, Bộ trưởng Bộ GTVT Trương Quang Nghĩa đã nêu rõ quan điểm của Bộ, đó là: không thay đổi quy định hiện nay về giá vé máy bay mà phải tăng cường hơn nữa vai trò quản lý nhà nước về điều hành bay. Hãng hàng không có thể giảm giá vé được thì tại sao không cho giảm? Công việc của quản lý nhà nước là kiểm tra, kiểm soát xem việc giảm giá, tung giá rẻ, giá khuyến mại có đúng không, cách thức triển khai đã đúng quy định của pháp luật chưa…

Nhìn ra thế giới, bài học về việc áp giá của ngành hàng không Mỹ giai đoạn 1938-1978 là một ví dụ điển hình. Năm 1938, trước sự bùng nổ của ngành hàng không với sự ra mắt của nhiều máy bay phản lực có khả năng chuyên chở số lượng lớn hành khách, Cục hàng không dân dụng Mỹ đã áp quy định về giá vé, bao gồm cả giá sàn. Tuy nhiên, theo giáo sư Alex Tabarrok, Đại học George Mason (Mỹ), quy định này không chỉ khiến các hãng hàng không giá rẻ không thể cạnh tranh trên thị trường mà còn gây ra sự lãng phí do các hãng buộc phải cạnh tranh về chất lượng.

Theo phân tích của giáo sư Alex Tabarrok, cuộc chạy đua về chất lượng dịch vụ nghe có vẻ rất tích cực nhưng lại trở nên vô cùng lãng phí khi khách hàng phải trả thêm tiền cho những dịch vụ không cần thiết. Trong khi đó, các hãng hàng không phải lãng phí nguồn lực để chạy đua giành khách hàng. Với việc áp giá sàn, các hãng hàng không chắc chắn có một lượng lợi nhuận nhất định. Tuy vậy, hệ quả là hơn 80% dân số Mỹ không có khả năng chi trả cho dịch vụ hàng không và chưa bao giờ đặt chân lên máy bay. Thậm chí, việc áp giá sàn của Cục hàng không dân dụng Mỹ còn giết chết các hãng hàng không giá rẻ của Mỹ (giai đoạn 1938-1978) do không thể sử dụng ưu thế cạnh tranh về giá. Nếu như trước đó, nước Mỹ có 16 hãng hàng không thì đến năm 1978 chỉ còn 10 hãng, dù có tới 79 đơn vị muốn thành lập hãng mới nhưng không được chấp thuận do những yêu cầu về giá sàn cũng như đòi hỏi về chất lượng dịch vụ tối thiểu quá cao. Năm 1978, quy định về giá sàn được tháo bỏ, thị trường hàng không Mỹ bùng nổ trở lại.

Trở lại câu chuyện đề xuất của Jetstar Pacific nêu trên, hiện Bộ GTVT đã báo cáo Chính phủ về quy định giá sàn, giá trần. Trên cơ sở đó, Bộ cũng xin ý kiến Thủ tướng để định hướng và có cách nhìn tổng quát, từ đó có những thay đổi chính sách phù hợp.

Từ khi nhậm chức, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã cam kết trước toàn dân về một Chính phủ kiến tạo, phục vụ, liêm chính và hành động. Thủ tướng cũng đã hơn một lần nhắc nhở các Bộ, ngành, địa phương tránh tình trạng chính sách "sáng nắng, chiều mưa", gây khó khăn cho DN và người dân.

Một Chính phủ kiến tạo, xét đến cùng, là một Chính phủ giảm can thiệp trực tiếp vào thị trường, tạo không gian để thị trường vận hành. Thị trường luôn có khiếm khuyết nhưng thị trường cũng tự khắc phục được những khiếm khuyết đó thông qua cơ chế cạnh tranh và tự điều chỉnh. Nếu Nhà nước cứ làm thay, cứ nhân danh quản lý để can thiệp thị trường thì đó sẽ là mảnh đất cho một số cơ quan, DN "cài cắm" chính sách để trục lợi và làm méo mó thị trường.

Tóm lại, thay đổi chính sách là cần thiết nhưng phải thận trọng, chặt chẽ; cần xây dựng cơ chế phản biện chính sách thiết thực, hiệu quả và khoa học; tránh làm xáo trộn trật tự kinh tế - xã hội và ảnh hưởng đến đời sống dân sinh.■

KIỂM TOÁN KẾT QUẢ ĐỊNH GIÁ VÀ XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

LTS. **Hiện nay, hoạt động kiểm toán kết quả định giá và xử lý các vấn đề tài chính của DN trước cổ phần hóa đang nhận được nhiều sự quan tâm của xã hội, đặc biệt là sau khi KTNN xác định giá trị vốn nhà nước tại các DN cổ phần hóa tăng thêm hàng chục nghìn tỷ đồng. Để bạn đọc có thêm những thông tin chuyên sâu và cụ thể về lĩnh vực này, Đặc san Kiểm toán cuối tháng xin trân trọng giới thiệu chuyên đề: "Kiểm toán kết quả định giá và xử lý các vấn đề tài chính của DN trước cổ phần hóa" trên cơ sở những tham luận của các kiểm toán viên nhà nước phát biểu trong một cuộc tọa đàm chuyên môn gần đây.**

Nhiều bất cập trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

NGUYỄN SĨ MINH - KTNN chuyên ngành VI

Thực hiện yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và theo đề nghị của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2016, KTNN đã kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp (XĐGTDN) và xử lý các vấn đề về tài chính trước khi cổ phần hoá (CPH) đối với 6 DN lớn của Nhà nước. Qua kiểm toán, KTNN đã xác định giá trị vốn nhà nước của 6 DN này tăng thêm 13.698 tỷ đồng.

Một số hạn chế bất cập trong việc XĐGTDN tại các đơn vị được kiểm toán

Theo đánh giá chung, các tổ chức tư vấn định giá, các đơn vị được xác định giá trị đã tuân thủ các văn bản quy định về xử lý tài chính và xác định giá trị DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần cũng như các quy định khác có liên quan. Tuy nhiên, việc thực hiện XĐGTDN vẫn tồn tại một số hạn chế sau:

Một là, các tổ chức tư vấn chỉ định giá theo phương pháp tài sản:

Theo quy định tại Điều 24 Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị DN khi thực hiện chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 127), *kết quả xác định giá trị DN theo phương pháp dòng tiền chiết khấu hoặc phương pháp khác phải được so sánh với kết quả xác định giá trị DN theo phương pháp tài sản cùng thời điểm để lựa chọn theo nguyên tắc giá trị DN được xác định và công bố không được thấp hơn giá trị DN xác định theo phương pháp tài sản*. Tuy nhiên trên thực tế, các tổ chức tư vấn định giá chỉ áp dụng phương pháp tài sản mà không đưa ra kết quả định giá của phương pháp khác để so sánh, bởi thế, cơ sở để khẳng định tính chính xác và tính hợp lý của kết quả XĐGTDN do tổ chức tư vấn định giá xác định là chưa đầy đủ.

Trong số 7 DN được kiểm toán năm 2016, có 2 đơn vị đủ điều kiện áp dụng phương pháp định giá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu, nhưng tổ chức tư vấn định giá chỉ xác định giá trị DN theo phương pháp tài sản. Sau khi KTNN xác định lại theo phương pháp dòng tiền chiết khấu thì giá trị DN tăng hàng chục ngàn tỷ đồng. KTNN không kiến nghị điều chỉnh giá trị DN mà chỉ kiến nghị cơ quan có thẩm quyền lưu ý khi thẩm định và phê duyệt trước khi chính thức công bố giá trị DN cổ phần hóa.

Hai là, thời điểm công bố giá trị DN cách quá xa thời điểm xác định giá trị DN:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư 127, thời điểm công bố giá trị DN CPH của cơ quan có thẩm quyền đảm bảo cách thời điểm xác định giá trị DN tối đa không quá 6 tháng đối với trường hợp XĐGTDN theo phương pháp tài sản. Trường hợp quá thời hạn trên mà chưa công bố được giá trị của DN CPH thì cơ quan quyết định CPH xem xét, quyết định kéo dài thời gian công bố giá trị DN nhưng phải đảm bảo nguyên tắc việc công bố giá trị DN, và việc tổ chức bán cổ phần lần đầu của DN CPH phải cách thời điểm xác định giá trị DN không quá 18 tháng, trừ các trường hợp đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, thực tế đến thời điểm kiểm toán, nhiều đơn vị định giá DN đã vượt quá 18 tháng mà chưa công bố hay bán cổ phần lần đầu. Một số DN được Thủ tướng Chính phủ gia hạn, nhưng với sự biến động của chỉ số trượt

giá như hiện nay thì việc vượt mức thời gian 18 tháng kể từ thời điểm XĐGTDN vẫn tiềm ẩn rủi ro về kết quả định giá.

Ba là, còn nhiều sai sót trong định giá và xử lý tài chính

Trong khâu kiểm kê, xử lý các vấn đề tài chính, tình trạng kiểm kê sót tài sản hoặc phân loại tài sản để xử lý chưa đầy đủ còn xảy ra. Một số đơn vị CPH không xử lý các khoản tài chính đủ điều kiện ghi tăng vốn nhà nước như: thiếu doanh thu, thiếu thu nhập khác, nợ phải thu, nợ phải trả nhưng không phải trả... DN có xu hướng muốn để lại và hạch toán vào thu nhập sau thời điểm XĐGTDN nhưng cơ quan kiểm tra và tổ chức tư vấn định giá không phát hiện ra. Cụ thể là: doanh thu hồi tố tiền bán điện và cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ PV Power; các khoản lãi phạt chậm thanh toán và các khoản chi hộ của PV Power; nợ phải trả nhưng chủ nợ từ chối và nợ không phải trả của Công ty mẹ Vinafood II, Công ty mẹ PV Power; nợ phải thu tăng theo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính 2015 của Công ty mẹ Tập đoàn Cao su Việt Nam...).

Trong khâu định giá tài sản nhà cửa, vật kiến trúc..., nhiều đơn vị không tuân thủ ưu tiên áp dụng đơn giá xây dựng cơ bản, suất đầu tư do cơ quan có thẩm quyền ban hành tại thời điểm gần nhất với thời điểm định giá nên việc xác định giá trị tài sản thường bị thấp hơn quy định. Xác định lại các khoản đầu tư tài chính không đúng quy định về thời điểm xác định giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán. Kê khai thiếu giá trị lợi thế kinh doanh của DN CPH (gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển) do tập hợp chưa đầy đủ các chi phí phải tính vào giá trị thương hiệu (chi phí cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại...); xác định giá trị tiềm năng phát triển chưa chính xác...

Mặc dù cơ sở việc xác định lợi thế kinh doanh có phạm vi rộng, thời gian dài nhưng tổ chức tư vấn định giá chưa kiểm tra đầy đủ việc kê khai chi phí của đơn vị mà chủ yếu dựa vào báo cáo của đơn vị được CPH, đồng thời các cơ quan có thẩm quyền (tổ giúp việc ban chỉ đạo CPH, ban chỉ đạo CPH, đơn vị chủ sở hữu) cũng chưa phát hiện được được sai sót này.

Tại nhiều đơn vị, nợ phải thu có gốc ngoại tệ chưa được xác định theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng. Một số đơn vị xác định nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo giá bán ra của các ngân hàng thương mại với lý do: Điều 18 Thông tư 127 quy định: *"Giá trị thực tế tài sản được xác định bằng đồng Việt Nam. Tài sản đã hạch toán bằng ngoại tệ được quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân*

trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác định giá trị DN". Đơn vị coi nợ phải trả không phải tài sản của DN nên không xác định lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng.

Tuy nhiên, Điều 19 thông tư 127 quy định: giá trị thực tế vốn nhà nước tại DN bằng giá trị thực tế của DN trừ các khoản nợ thực tế phải trả và số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có). Trong đó, nợ thực tế phải trả là tổng giá trị các khoản nợ phải trả của DN trừ các khoản nợ không phải thanh toán.

Tài sản của DN được hình thành từ nhiều nguồn, trong đó có một phần từ nguồn nợ phải trả. Việc đánh giá tài sản và nguồn hình thành tài sản phải cùng một tiêu chí. Xác định nợ phải trả có gốc ngoại tệ cũng phải được được xác định theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng. Tại công ty Vinafood II, KTNN đã lưu ý và đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn để thực hiện vấn đề này.

Bốn là, khi quyết định công bố giá trị DN, cơ quan có thẩm quyền cần lưu ý đến một số tài sản chưa được định giá hoặc đã định giá nhưng chưa có đủ cơ sở để xác nhận. Cụ thể với một số trường hợp sau:

Tài sản cố định chưa thu hồi đủ vốn nhưng tổ chức tư vấn định giá xác định giá trị còn lại thấp hơn 30% so với chất lượng của tài sản cùng loại đầu tư xây dựng mới, điều này là không phù hợp quy định tại Điều 18 Thông tư 127.

Một số loại tài sản cố định được xác định giá trị theo nguyên giá tài sản ghi sổ kế toán với lý do "không có tài sản mới hoặc tương đương như Thông tư 127 quy định" nhưng thực tế lại không có tài liệu để xác định việc không có tài sản mới hoặc tương đương này.

Vận dụng phương pháp nội suy để định giá một số loại tài sản chưa có hướng dẫn cụ thể về loại hình, kết cấu trong các văn bản quy định của Nhà nước như: vườn cây khu du lịch sinh thái, nhà xưởng sản xuất nhiều tầng...

Năm là, định giá quyền sử dụng đất, nhượng bán đất và tài sản trên đất sau thời điểm XĐGTDN còn nhiều bất cập, như:

Với đất được Nhà nước giao chưa thu tiền, đơn vị xin chuyển sang thuê trả tiền hàng năm, phương án sử dụng đất đã trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đến thời điểm XĐGTDN chưa được trả lời nhưng các đơn vị vẫn thực hiện xác định là đất thuê trả tiền hàng năm và sẽ không được xác định giá thị trường.

Với đất giao chưa thu tiền, đơn vị có phương án sử dụng đất nhưng không có phương án giá đất trình UBND tỉnh, thành phố trung ương, quyền sử dụng đất sẽ được tổ chức tư vấn xác định theo biểu giá đất của UBND tỉnh, thành phố trung ương ban hành, giá trị thường chênh lệch với giá thị trường.

Đơn vị chuyển nhượng đất thông qua hình thức ban đầu góp quyền sử dụng đất để liên doanh với công ty bên ngoài nhằm khai thác quỹ đất. Tuy nhiên, liên doanh chưa thực hiện khai thác sử dụng đất thì đã chấm dứt hoạt động nên đơn vị ưu tiên nhượng quyền sử dụng đất đó cho công ty liên doanh với giá chuyển nhượng do hai bên thỏa thuận, không tổ chức chào giá thị trường, không đấu thầu đấu giá. Hành động này không phản ánh đúng giá thị trường, không huy động được các nguồn lực khác tham gia cạnh tranh.

Một số bất cập về chính sách trong thực hiện XĐGTDN để CPH

Thứ nhất, Thông tư 127 chưa có hướng dẫn quy đổi giá trị các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ khi xác định giá trị thực tế vốn nhà nước tại DN.

Thứ hai, các văn bản hướng dẫn về XĐGTDN còn có những điểm chưa rõ ràng, gây cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện như thời điểm tổ chức XĐGTDN và thời điểm tổ chức thực hiện XĐGTDN. Trong khi Điều 18 Thông tư 127 quy định: "...tại thời điểm gần nhất với thời điểm tổ chức thực hiện xác định giá trị DN" thì Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần lại quy định: "tại thời điểm gần nhất với thời điểm thực hiện xác định giá trị DN".

Thứ ba, một số văn bản quy định về suất đầu tư, chỉ số giá xây dựng của các cơ quan có thẩm quyền ban hành (Bộ Xây dựng, sở xây dựng) chưa có quy định về tên gọi, loại tài sản, kết cấu có tính đặc thù của DN (như: công trình công nghiệp thực phẩm; nhà xưởng nhiều tầng, vườn cây sinh thái, nhà xưởng...) nên các tổ chức tư vấn khi định giá phải nội suy theo tài sản tương đương. Điều này chưa đảm bảo tính thống nhất và chưa đủ cơ sở pháp lý...■

Thực tế kiểm toán kết quả định giá và xử lý các vấn đề tài chính của doanh nghiệp cổ phần hóa

HOÀNG THỊ MỸ DUNG - KTNN khu vực IV

Thời gian qua, cùng với việc Chính phủ thúc đẩy quá trình thực hiện cơ cấu lại hệ thống DNNN, nhiều đơn vị, tổ chức tư vấn độc lập đã được hình thành nhằm mục đích xác định giá trị DN (XĐGTDN). Để có căn cứ thực hiện công tác này, Bộ Tài chính cũng đã ban hành nhiều quy định về thẩm định giá. Tuy nhiên, do các văn bản quy phạm pháp luật liên quan chưa đầy đủ và các đơn vị tư vấn tiến hành XĐGTDN theo những phương pháp, thông tin khác nhau, thiếu sự thống nhất trong quy trình nên kết quả định giá vẫn còn không ít hạn chế. Chẳng hạn, một số DN được đánh giá giá trị quá cao dẫn đến tình trạng khó bán cổ phần, bất lợi khi xác định cổ phần ưu đãi nội bộ, trong khi đó, một số DN lại bị đánh giá giá trị quá thấp dẫn tới việc tiền và tài sản nhà nước bị thất thoát. Điều này cũng cho thấy hoạt động XĐGTDN còn chưa sát với thực tế, các kết quả không thống nhất. Chính vì vậy, các kết quả đó cần phải có hoạt động KTNN làm trung gian để xác nhận tính trung thực, đúng đắn và hợp lý.

Theo quy định tại Điều 27, Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BTC ngày 12/01/2016 của Bộ Tài chính hợp nhất Nghị định về chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Công văn số 1532/TTg-ĐMDN ngày 30/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, các DNNN có mức vốn chủ sở hữu trên 5.000 tỷ đồng thực hiện cổ phần hóa (CPH) nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án CPH thì phải được KTNN kiểm toán kết quả định giá và xử lý các vấn đề về tài chính trước khi định giá. Với các trường hợp cần thiết khác, Thủ tướng Chính phủ đề nghị KTNN thực hiện kiểm toán theo quy định của Luật KTNN, không phân biệt quy mô vốn chủ sở hữu.

Mục tiêu kiểm toán kết quả định giá và xử lý các vấn đề tài chính của DN CPH

Một là, xem xét báo cáo kết quả định giá DN(chứng thư) có phản ánh trung thực, hợp lý trên cơ sở thực tế của đơn vị hay không. Tính trung thực, hợp lý này được thể hiện trên các mặt như: xác định giá trị các tài sản hiện có trong đơn vị, thời gian sử dụng hữu dụng của các tài sản, xác định giá trị thực tế của các khoản phải thu, các khoản nợ vay của đơn vị.

Hai là, xem xét quá trình xử lý các vấn đề tài chính và định giá DN có tuân thủ đúng các quy định hay không.

Ba là, xem xét việc sử dụng các phương pháp định giá có hợp lý, phù hợp với tình hình hoạt động và thực trạng của DN được xác định giá trị hay không.

Bốn là, phát hiện các gian lận, vi phạm chính sách chế độ về giá trong quá trình xác định giá trị; các hiện tượng tiêu cực làm thất thoát tài sản của Nhà nước khi tiến hành CPH các DNNN.

Năm là, phát hiện các sai sót, hạn chế trong hoạt động XĐGTDN để kiến nghị với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý.

Sáu là, cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền để làm cơ sở phê duyệt giá trị DN và giá trị vốn nhà nước của DN tại thời điểm định giá.

Những khó khăn chính trong quá trình kiểm toán

Thứ nhất, Chính phủ đã ban hành các phương pháp xác định giá trị DN nhưng lại chưa có quy định xử lý đối với trường hợp chênh lệch về giá trị khi áp dụng các phương pháp khác nhau, do đó, KTNN sẽ khó đưa ra được kiến nghị.

Thứ hai, kiểm toán kết quả định giá DN và xử lý các vấn đề tài chính là một nhiệm vụ mới, mang tính chất đặc thù nên KTNN chưa đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực có kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực thẩm định giá; chưa ban hành được đầy đủ quy trình, phương pháp kiểm toán cũng như hệ thống mẫu biểu hồ sơ đối với hoạt động này.

Thứ ba, quá trình định giá dựa rất nhiều vào việc xác định thông tin của từng yếu tố cấu thành giá trị DN như: giá trị TSCĐ, hàng tồn kho, các khoản công nợ… Các yếu tố này cần dựa vào quy định của chuẩn mực và chế độ tài chính, kế toán hiện hành, đồng thời cũng phải dựa vào giá thị trường để đánh giá. Tuy nhiên, trên thực tế việc đánh giá về giá thị trường mà tổ chức tư vấn đang sử dụng để định giá DN là rất khó vì Việt Nam chưa hình thành một ngân hàng lưu trữ đầy đủ thông tin về giá trị các loại tài sản, hàng hóa hiện có trên thị trường để kiểm toán viên so sánh, đối chiếu.

Thứ tư, đối với việc thẩm định kết quả xác định giá trị DN theo phương pháp tài sản, kiểm toán viên không thể xác định được chất lượng cũng như thời gian sử dụng còn lại của tài sản tại thời điểm XĐGTDN mà chủ yếu là chấp nhận tỷ lệ còn lại theo đánh giá và mô tả của tổ chức tư vấn định giá.

Thứ năm, do giới hạn về thời gian, trình độ, kiểm toán viên cũng không thể xác định giá mua mới của các tài sản như: phương

tiện vận tải, dụng cụ quản lý, thiết bị truyền dẫn... có cùng nước sản xuất, cùng công suất hoặc tính năng tương đương để đánh giá việc định giá của tổ chức tư vấn đã phù hợp hay chưa.

Theo một số văn bản hiện hành, các DNNN có mức vốn chủ sở hữu trên 5.000 tỷ đồng thực hiện CPH nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án CPH thì phải được KTNN kiểm toán kết quả định giá và xử lý các vấn đề về tài chính trước khi định giá. Với các trường hợp cần thiết khác, Thủ tướng Chính phủ đề nghị KTNN thực hiện kiểm toán theo quy định của Luật KTNN, không phân biệt quy mô vốn chủ sở hữu.

Những kinh nghiệm xử lý tình huống

Đối với quyền sử dụng đất: cần căn cứ vào bảng tổng hợp đất đai DN đang sử dụng trước khi CPH và phương án sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện CPH nhằm xác định sự chênh lệch (nếu có).

Đối với tài sản là sản phẩm xây dựng cơ bản: trường hợp theo quy định áp giá thị trường để định giá thì cần căn cứ vào đơn giá XDCB hoặc suất đầu tư do cơ quan có thẩm quyền công bố; trường hợp chưa có quy định thì tính theo giá sổ sách, có xét thêm yếu tố trượt giá trong xây dựng cơ bản.

Thực tế, đa số các tổ chức tư vấn đều xác định giá thị trường trên cơ sở giá sổ sách và tham khảo chỉ số giá. Kết quả kiểm toán cũng cho thấy, khi so sánh giá thị trường trên cơ sở đơn giá XDCB hoặc suất đầu tư thì giá sẽ cao hơn so với phương pháp của tổ chức tư vấn từ 7-10%. Tuy vậy, việc xác định giá thị trường theo đơn giá XDCB sẽ mất nhiều thời gian và đòi hỏi kiểm toán viên phải có trình độ chuyên môn về lĩnh vực kiểm toán đầu tư XDCB.

Đối với việc kiểm toán giá trị vốn đầu tư dài hạn của DN CPH tại các DN khác, kiểm toán viên cần lưu ý những tình huống sau:

Trường hợp thứ nhất, nếu tại thời điểm XĐGTDN, công ty có vốn đầu tư của DN CPH chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán đã bị mất vốn (theo báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán), nhưng đơn vị tư vấn lại không đưa ra ý kiến mà vẫn giữ nguyên giá trị theo sổ sách kế toán thì dễ dẫn đến khả năng giá trị DN được công bố không chính xác;

Trường hợp thứ hai, nếu công ty có vốn đầu tư của DN CPH chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán chính là công ty mẹ của tập đoàn hoặc tổng công ty thì việc xác định lại giá trị phần vốn của DN CPH vào công ty này phải căn cứ vào BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của toàn tập đoàn hoặc toàn tổng công ty, không sử dụng số liệu BCTC riêng của công ty mẹ.

Đối với việc định giá quyền sử dụng đất của các dự án kinh doanh bất động sản, cần thực hiện kiểm tra đối chiếu lại diện tích đất theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt với diện tích đất đã được ghi nhận trong các chứng thư thẩm định giá. Cụ thể là các trường hợp sau:

Phương pháp trực tiếp: xác định bằng diện tích còn lại tại thời điểm XĐGTDN nhân với giá đất tại thời điểm định giá;

Phương pháp thặng dư: xác định theo quy hoạch được duyệt để xem dự án có bao nhiêu hạng mục và giá trị dự toán từng hạng mục có phù hợp với quy định không; phương pháp hiện giá liệu có đúng quy định tại Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

Để nâng cao chất lượng kiểm toán kết quả định giá DN và xử lý các vấn đề tài chính, KTNN cần nhanh chóng ban hành đầy đủ quy trình, phương pháp kiểm toán cũng như hệ thống mẫu biểu hồ sơ làm cơ sở chuẩn mực để các Đoàn kiểm toán áp dụng đồng nhất đối với tất cả các cuộc kiểm toán kết quả định giá DN và xử lý các vấn đề tài chính của các DN CPH; tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về các kiến thức thẩm định giá cho các kiểm toán viên.

Trước khi thực hiện kiểm toán, các Đoàn kiểm toán cần thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính của DN CPH, đặc biệt là tình trạng nợ, tài sản, hàng tồn kho, nhằm đánh giá đúng giá trị thực tế của DN. Trong Đoàn kiểm toán nên có các kiểm toán viên đã từng tham gia kiểm toán BCTC năm gần nhất so với thời điểm XĐGTDN để có thể hiểu rõ về tình hình tài chính của DN này.■

Nhận diện khó khăn cho các cuộc kiểm toán kết quả định giá doanh nghiệp cổ phần hóa

HUỲNH HỮU THỌ - KTNN khu vực I

Kể từ năm 2011 đến nay, KTNN đã thực hiện nhiều cuộc kiểm toán kết quả định giá DN trước khi cổ phần hóa (CPH) và đã có nhiều kiến nghị làm tăng giá trị DN hàng nghìn tỷ đồng, góp phần giảm thất thoát tiền vốn của Nhà nước. Tuy nhiên, quá trình tổ chức các cuộc kiểm toán này cũng gặp không ít vướng mắc, khó khăn. Nếu được tháo gỡ kịp thời, kết quả kiểm toán sẽ chính xác hơn và kiến nghị tăng giá trị DN sẽ còn cao hơn nữa.

Cần nhận diện được rủi ro từ hai phương pháp xác định giá trị DN

Theo quy định, việc xác định giá trị DN khi CPH có thể áp dụng bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF) và phương pháp xác định giá trị theo tài sản. Tuy nhiên, các DN cho rằng, cả hai phương pháp này đều đang gặp rất nhiều hạn chế.

Phương pháp DCF được xác định dựa trên cơ sở thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai của DN. Cách tính này sẽ làm chính xác hơn giá trị của các công ty đang hoạt động có hiệu quả và khả năng phát triển trong tương lai, đặc biệt là các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, bảo hiểm... Việc áp dụng phương pháp DCF cũng sẽ giải quyết được một phần các vướng mắc trong quá trình xác định lợi thế thương mại, nhất là với những đơn vị làm ăn có lãi, có thương hiệu và thị phần trên thị trường. Để có thể áp dụng phương pháp này, các DN phải xác định được những thông tin chủ yếu như: tỷ suất lợi nhuận của 3-5 năm liền kề và dự kiến trong 5-10 năm tương lai, tỷ lệ tăng trưởng, hệ số rủi ro... Song, việc xác định những thông tin trên lại rất khó khăn, mất nhiều nhân lực, thời gian và đòi hỏi những người tham gia phải có trình độ, năng lực chuyên môn cao, thậm chí, để có thể chính xác, nhiều dữ liệu còn cần đến sự tính toán của các chuyên gia. Trên thực tế, tâm lý của nhiều lãnh đạo công ty cũng không muốn giá trị DN được đánh giá cao vì sẽ khó bán cổ phần. Bên cạnh đó, giá trị DN xác định theo phương pháp này chủ yếu dựa trên những dự đoán, ước tính về kết quả sản xuất kinh doanh, trong khi thị trường lại nhiều biến động, chính sách của Nhà nước cũng có thể thay đổi, bởi thế, các dự đoán, ước tính khó đạt được độ chính xác cao.

Để tránh những khó khăn trên, hầu hết các DN đều lựa chọn phương pháp xác định giá trị DN theo giá trị tài sản, nhưng nhược điểm của phương pháp này là không tính được chính xác lợi thế kinh doanh của DN.

Như vậy, việc xác định giá trị DN dù bằng phương pháp nào cũng bộc lộ những vấn đề phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian, công sức mà kết quả vẫn chưa được như mong muốn. Tình hình đó càng khiến cho việc thực hiện kiểm toán kết quả xác định giá trị DN trở nên khó khăn. Hiện tại, dù đã sở hữu nhiều chuyên gia giàu kinh nghiệm nhưng KTNN vẫn còn thiếu những kiểm toán viên am hiểu tường tận về lĩnh vực kiểm toán này.

Hiện tại, KTNN đang tiến hành thẩm định kết quả công việc của nhiều chuyên gia đã thực hiện trước đó với quy mô nhân lực và thời gian có hạn. Thực tế kiểm toán cho thấy, chỉ riêng việc tiếp nhận, nghiên cứu các tài liệu của cơ quan thẩm định giá và các tài liệu có liên quan cũng đã tiêu tốn rất nhiều thời gian của các Đoàn kiểm toán.

Ngoài ra, kiểm toán viên còn phải dùng nhiều phương pháp khác nhau để phát hiện những rủi ro có thể xảy ra từ ý muốn chủ quan của DN và cơ quan tư vấn thẩm định giá trong quá trình thực hiện định giá.

Quá trình định giá DN cần có KTNN tham gia ngay từ đầu

Để có thể hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình tổ chức kiểm toán, KTNN cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, kiến nghị với Chính phủ xây dựng cơ chế cho KTNN tham gia ngay từ đầu vào quá trình định giá DN và xử lý các vấn đề tài chính trước khi định giá. Điều này có nghĩa là trong thành phần tiến hành định giá DN và xử lý các vấn đề tài chính trước khi định giá phải có người của KTNN. Hoặc ít nhất, những DN CPH thuộc diện được KTNN kiểm toán kết quả định giá phải có trách nhiệm báo cáo và cung cấp hồ sơ, tài liệu cho KTNN theo tiến độ thẩm định giá để kiểm toán viên kịp thời nghiên cứu, đánh giá kết quả công việc, từ đó đưa ra ý kiến về giá trị DN trước khi CPH.

Hai là, kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan về việc hoàn thiện phương pháp xác định giá trị DN, bởi hiện nay các tổ chức tư vấn định giá mới chỉ dừng lại ở 2 phương pháp cơ bản là: phương pháp tài sản và phương pháp dòng tiền chiết khấu. Trong một số trường hợp, những phương pháp này còn mang tính chủ quan, dẫn đến kết quả thiếu chính xác, chưa phản ánh đúng giá trị thực của DN. Để khắc phục hạn chế này, Nhà nước nên bổ sung một số phương pháp định giá mới như: tính lãi suất trên cổ phiếu, phương pháp so sánh tương đương... Đồng thời, phải bắt buộc xác định ít nhất là bằng 2 phương pháp nhằm kiểm tra tính hợp lý của kết quả trước khi công bố giá trị DN.

Ba là, do quá trình CPH DN còn dài, KTNN cần ban hành những quy định riêng, cụ thể cho công tác kiểm toán kết quả định giá DN và xử lý các vấn đề tài chính trước khi định giá để phù hợp với yêu cầu thực tiễn cũng như hạn chế các rủi ro có thể xảy ra cho kiểm toán viên nhà nước.

Bốn là, bên cạnh việc đẩy mạnh tập huấn về phương pháp định giá DN theo quy định hiện hành cho kiểm toán viên, cần tăng cường thực hiện cơ chế thuê cộng tác viên là các chuyên gia ở nhiều lĩnh vực khác nhau để các cuộc kiểm toán trong lĩnh vực này đạt hiệu quả tối ưu.■

Những vướng mắc cần tháo gỡ

Trên thực tế, các cuộc kiểm toán kết quả định giá và xử lý tài chính trước khi chính thức công bố giá trị DN CPH đã đạt được những kết quả bước đầu, song công tác tổ chức kiểm toán vẫn còn một số vướng mắc, hạn chế.

Thứ nhất, cho đến nay, KTNN chưa ban hành hướng dẫn kiểm toán cũng như mẫu biểu hồ sơ liên quan đến hình thức kiểm toán kết quả tư vấn định giá, dẫn đến tình trạng các báo cáo kiểm toán phát hành chưa có mẫu biểu thống nhất chung. Đặc biệt, tên gọi của báo cáo có khi là "Báo cáo kiểm toán", có khi lại là "Báo cáo thẩm định". Sự không thống nhất này dẫn tới việc cơ quan quyết định CPH khó áp dụng, sử dụng báo cáo, còn nhà đầu tư trên thị trường tài chính thì khó hiểu và đặt nghi vấn khi DN phát hành cổ phiếu lần đầu ra thị trường.

Thứ hai, thời gian khảo sát, lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán cơ bản đã đảm bảo theo quy định của Luật KTNN nhưng lại không đảm bảo thời gian theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Theo quy định về CPH, chứng thư thẩm định giá của tổ chức tư vấn định giá DN không được quá 18 tháng, tuy nhiên, một số cuộc kiểm toán phát hành báo cáo khi chứng thư đã quá thời hạn quy định nên tổ chức tư vấn phải định giá lại giá trị DN để công bố.

Thứ ba, nhiệm vụ kiểm toán kết quả tư vấn định giá thường được giao cho đơn vị chủ trì kiểm toán báo cáo tài chính của DN CPH. Việc phân giao như vậy có ưu điểm là đơn vị chủ trì kiểm toán báo cáo tài chính nắm được tình hình tài chính, tài sản của DN CPH. Mặc dù vậy, trên thực tế nhiều đơn vị chủ trì kiểm toán lại chưa có lực lượng kiểm toán viên am hiểu về loại hình kiểm toán xử lý tài chính và định giá DN trước CPH. Do đó, nhiều kiểm toán viên còn lúng túng trên tất cả các khâu của quá trình kiểm toán.

Thứ tư, hầu hết các DN CPH hiện nay đều là công ty mẹ của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước nên thường có nhiều công ty con, công ty liên kết và có lượng tài sản cố định hữu hình lớn, thậm chí là rất lớn. Sự hình thành các công ty con và tài sản của các DN CPH thường trải qua quá trình lâu dài với nhiều "thế hệ" khác

Tổ chức kiểm toán kết quả định giá và xử lý tài chính doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa - Những vướng mắc cần tháo gỡ

ThS. ĐOÀN TRẦN PHÚ - KTNN chuyên ngành V

Trong những năm qua, KTNN đã tổ chức nhiều cuộc kiểm toán kết quả định giá và xử lý tài chính trước khi chính thức công bố giá trị DN theo đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương. Kết quả kiểm toán là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt giá trị DN cổ phần hóa (CPH), giúp quá trình CPH đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

nhau. Vì vậy, việc thực hiện kiểm toán định giá và xử lý tài chính đối với loại hình DN này cần bố trí hợp lý lực lượng kiểm toán viên có chuyên môn về kỹ thuật để tính toán, xác định giá trị thị trường của các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị. Tuy nhiên, thời gian vừa qua, một số đoàn kiểm toán chưa bố trí kiểm toán viên có chuyên ngành kỹ thuật nên dẫn đến khó khăn trong kiểm toán kết quả định giá việc quy đổi giá của các loại tài sản trên.

Thứ năm, các kiểm toán viên thuộc các Đoàn kiểm toán đều không có chứng chỉ thẩm định viên về giá theo quy định của Luật Giá nên gặp nhiều hạn chế trong việc đưa ra giá trị của tài sản cũng như giá trị DN và chỉ đánh giá quy trình định giá của tổ chức tư vấn.

Một số giải pháp

Để hoàn thiện công tác tổ chức kiểm toán đối với loại hình kiểm toán kết quả định giá và xử lý tài chính DN trước CPH, KTNN cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, sớm ban hành hướng dẫn kiểm toán dưới dạng sổ tay, thống nhất về mẫu biểu hồ sơ với loại hình kiểm toán này.

Hai là, ban hành quy trình lập, phát hành quyết định kiểm toán, báo cáo kiểm toán theo hướng rút ngắn nhằm đảm bảo tiến độ quá trình CPH.

Ba là, vì loại hình kiểm toán này không thực hiện thường xuyên, liên tục nên có thể tổ chức sắp xếp xây dựng nhóm kiểm toán viên có kinh nghiệm, năng lực hiểu biết về quá trình xử lý tài chính, định giá DN để khi cần thiết sẽ tiến hành biên chế thành các đoàn, tổ kiểm toán thực hiện kiểm toán đối với loại hình này. Có thể tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhóm kiểm toán viên các kỹ năng, quy trình thẩm định theo quy định của Luật Giá nhằm nâng cao năng lực, trình độ cho kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán.

Bên cạnh đó, các đơn vị tham mưu cũng cần cử một bộ phận cán bộ, chuyên viên có kinh nghiệm trong việc thẩm định, xét duyệt, kiểm soát đối với kế hoạch, báo cáo do các đoàn kiểm toán lập, trình phê duyệt để đẩy nhanh quá trình kiểm toán và có sự thống nhất trong xử lý, phát hiện kiểm toán. Việc phân giao nhiệm vụ kiểm toán có thể không nhất thiết giao cho các đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của DN CPH.

Bốn là, khi bố trí sắp xếp kiểm toán viên tham gia các đoàn kiểm toán định giá của các đơn vị có tài sản lớn, đặc biệt là các đơn vị có khối lượng tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc, công trình lớn thì lãnh đạo nhất thiết phải bố trí, sắp xếp kiểm toán viên có chuyên môn về kỹ thuật để tính toán xác định giá trị thị trường đối với các loại tài sản hữu hình theo phương pháp tài sản.

Năm là, cần kiểm toán toàn diện công tác tổ chức định giá DN; kết quả định giá và xử lý tài chính cũng như việc xây dựng phương án CPH của ban chỉ đạo CPH.■

Một số khó khăn khi xác định giá trị doanh nghiệp bằng phương pháp dòng tiền chiết khấu

ThS. LÊ VIẾT MINH - KTNN chuyên ngành V

Nguyên lý cơ bản của phương pháp định giá theo dòng tiền chiết khấu (DCF) được xây dựng dựa trên một mô hình, đó là giá trị của DN được xác định bằng cách hiện tại hoá dòng thu nhập (dòng tiền) chiết khấu các dòng tiền đó theo một mức lãi suất chiết khấu phù hợp, có tính đến rủi ro của DN. Theo phương pháp DCF, hai yếu tố quan trọng nhất và không thể thiếu được là các dòng tiền thu nhập hàng năm và lãi suất chiết khấu dòng tiền đó.

Phương pháp DCF cho thấy, yếu tố đầu tiên, quan trọng nhất là các kế hoạch để tạo ra thu nhập và dòng tiền, nhưng trong thực tế, các kế hoạch này có thể xảy ra biến động, dẫn đến những thay đổi về dòng thu nhập. Bởi thế, việc định giá cổ phần cũng xảy ra các rủi ro tiềm ẩn đối với thu nhập và dòng tiền dự báo. Bên cạnh đó, tính không chắc chắn của các dự án về dòng tiền tăng lên qua từng năm dự báo thường phải sử dụng từ 5 đến 10 năm để có được một dự đoán có giá trị. Chính tính không chắc chắn về thời gian có thể sẽ khiến các tính toán không mang lại kết quả như mong đợi, thậm chí là khác xa so với kỳ vọng.

Khó áp dụng phương pháp DCF khi xác định giá trị DN

Trên thực tế, kiểm toán viên có thể dự báo khá chính xác dòng tiền hoạt động trong năm nay và năm sau nhưng không thể đủ khả năng để dự báo chính xác cho những năm xa hơn. Thu nhập và dòng tiền có thể bị giảm một cách nhanh chóng bởi các yếu tố bất ngờ. Tệ hại hơn, các dự án về dòng tiền xây dựng cho một năm bất kỳ thường được dựa trên kết quả của năm liền trước đó.

Các dự báo về dòng tiền mặt đều dựa trên các kế hoạch chi tiêu vốn, mức độ không chắc chắn của kế hoạch chi tiêu vốn tăng lên theo mỗi năm, nếu trong năm hoạt động không mấy khả quan thì tình hình chi tiêu vốn có thể tạo nên những sai lệch. Có khá nhiều phương pháp để tính toán chi tiêu vốn như: sử dụng tỷ số vòng quay tài sản cố định hoặc là sử dụng phương pháp tính theo phần trăm lợi nhuận sau thuế. Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính mặc định để lại là 30% lợi nhuận sau thuế để tăng vốn đôi khi chưa thực sự phù hợp, chỉ cần một thay đổi dù nhỏ trong các giả định của mô hình DCF cũng có thể tạo nên những ảnh hưởng nghiêm trọng đối với kết quả tính toán.

Qua hơn 15 năm thực hiện phương pháp dòng tiền chiết khấu được hướng dẫn tại Thông tư số 79/2002/TT-BTC ngày 12/9/2002 của Bộ Tài chính, chưa có một cơ quan nào đủ thông tin về dữ liệu để thông kê, tính toán, từ đó ban hành niên giám định giá theo quy định. Điều này dẫn đến việc các tổ chức định giá tại Việt Nam tùy tiện áp dụng những chỉ số như tỷ lệ tăng trưởng và các chỉ số phụ phí rủi ro (bằng cách tự tính toán hoặc tham chiếu của nước ngoài) nhằm xác định giá trị các DN trong các lĩnh vực như tư vấn, dịch vụ, thương hiệu, lợi thế kinh doanh để nhanh chóng cổ phần hóa. Đây là lỗ hổng gây thất thoát tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hóa tại Việt Nam.

Trong thực tế, nhiều DN hiện nay hoạt động kém hiệu quả, lợi nhuận thấp, thậm chí thua lỗ. Đối

với những DN như vậy, nếu áp dụng phương pháp DCF dựa trên các số liệu hiện tại, giá trị DN thường thấp hơn giá trị tài sản hoặc có thể là âm, không phù hợp với thực tế, cho nên không so sánh được với phương pháp tài sản.

Hệ thống số liệu thống kê của nước ta chưa phát triển, việc xác định các chỉ số bình quân của từng ngành (P/E, EPS,..) là rất khó và không phải lúc nào cũng làm được. Việc thiếu những chỉ số này làm chuẩn sẽ khó khăn khi xác định tỷ lệ chiết khấu thích hợp cho phương pháp DCF. Thêm vào đó, phương pháp này cũng đòi hỏi rất nhiều giả định dựa trên kinh nghiệm, trình độ của cán bộ định giá, trong khi các giả định thường rất khó kiểm chứng.

Phương pháp DCF luôn phải sử dụng thị trường chứng khoán hoặc các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán làm chuẩn. Trong điều kiện thị trường Việt Nam còn nhiều hạn chế như: số lượng công ty tham gia nhỏ, nhiều ngành có số lượng công ty đại diện rất ít, dữ liệu lịch sử về giá ngắn, thông tin về các công ty hoạt động trong từng ngành không được cập nhật thường xuyên, đầy đủ,…việc sử dụng phương pháp DCF sẽ khó phản ánh đúng mức độ rủi ro của cả thị trường và từng ngành, công ty.

Tìm giải pháp khắc phục cho phương pháp DCF

Để thúc đẩy tiến độ và đảm bảo chất lượng cho quá trình cổ phần hóa DN, tôi xin nêu một số đề xuất và giải pháp cụ thể trong khi chờ Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành nghị định thay thế Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

Một là, bổ sung phương pháp xác định giá trị DN theo phương pháp thị trường hoặc các giao dịch tương tự vào nghị định mới, đồng thời quy định phải sử dụng tối thiểu 2 phương pháp trong tổng số 3 phương pháp đã được quốc tế thừa nhận, đó là xác định giá trị DN theo phương pháp thị trường và phương pháp DEC (gồm hai phương pháp thu nhập phổ biến là chiết khấu giá trị trên vốn chủ và chi phí sử dụng vốn trung bình). Xác định giá trị DN theo phương pháp tài sản để làm cơ sở so sánh nhằm xác định chính xác giá trị DN trước khi cổ phần hóa;

Hai là, áp dụng về giá trần - giá sàn của DN để chủ DN xác định đúng giá trị DN và để các nhà đầu tư có một cách nhìn khách quan hơn trước khi quyết định đầu tư. Trong khoảng giá trần – giá sàn, DN và nhà đầu tư có thể chỉ ra một giá hợp lý nhất, phản ánh chính xác giá trị của DN cũng như mức độ rủi ro của nhà đầu tư. Mặt khác, cần tiến hành tổ chức đấu giá công khai qua các công ty chứng khoán và sở giao dịch để mang lại lợi ích tối đa cho DN, đảm bảo tính minh bạch, khuyến khích các nhà đầu tư, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ CPH;

Ba là, đề xuất Bộ Tài chính yêu cầu Cục Quản lý giá thiết lập hệ thống báo cáo bắt buộc, lưu trữ cơ sở dữ liệu về báo cáo và phương pháp định giá áp dụng cho công ty đã định giá. Các cơ sở dữ liệu này sẽ là tài liệu quan trọng trong việc tổng hợp và phân tích để đưa ra các tỷ lệ chiết khấu, giả thiết và giả định của phương pháp DCF, giải quyết được những khó khăn hiện thời trong việc áp dụng phương pháp DCF như đã nêu ở trên.

Bốn là, ban hành tiêu chí xếp hạng và thực hiện xếp hạng các tổ chức tư vấn (theo doanh thu, quy mô, số lượng thẩm định viên đáp ứng yêu cầu...) để các chủ sở hữu DN dễ dàng lựa chọn các tổ chức có uy tín và đảm bảo chất lượng trong việc xác định giá trị DN. Về lâu dài, điều này cũng giúp loại bỏ các tổ chức tư vấn yếu kém, không đáp ứng điều kiện tham gia xác định giá trị DN. Ngoài ra, vấn đề nâng cao năng lực và chất lượng của người làm công tác xác định giá trị DN cũng như những nhà quản lý cũng cần được chú trọng.

Năm là, đề xuất Hiệp hội tư vấn định giá sớm ban hành tỷ lệ phụ phí rủi ro theo đúng hướng dẫn của thông tư quy định. Công khai báo cáo định giá DN trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi tổ chức đấu giá để tất cả các nhà đầu tư tiềm năng trong xã hội có thể tham gia, tránh tình trạng thông thầu, ép giá, hoặc cổ phiếu chỉ tập trung vào một số ít nhà đầu tư lớn và cổ đông chiến lược.■

Các tổ chức định giá tại Việt Nam tùy tiện áp dụng những chỉ số như tỷ lệ tăng trưởng và các chỉ số phụ phí rủi ro (bằng cách tự tính toán hoặc tham chiếu của nước ngoài) nhằm xác định giá trị các DN trong các lĩnh vực như tư vấn, dịch vụ, thương hiệu, lợi thế kinh doanh để nhanh chóng cổ phần hóa. Đây là lỗ hổng gây thất thoát tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hóa tại Việt Nam.

Những kinh nghiệm khi kiểm toán nợ chính quyền địa phương

TRẦN VĂN HÒE - KTNN khu vực XII

Khoản 2, Điều 1, Luật Quản lý nợ công 2009 quy định: Nợ chính quyền địa phương (NCQĐP) là một khoản nợ công. Qua quá trình thực hiện các cuộc kiểm toán ngân sách địa phương (NSĐP), KTNN đã phát hiện nhiều sai phạm, hạn chế trong việc quản lý và sử dụng khoản nợ này, chẳng hạn như: sử dụng vốn không đúng mục đích, không đúng với danh mục công trình, mức dư nợ vượt tỷ lệ quy định; công trình sử dụng chưa đạt hiệu quả… Từ những phát hiện trên, KTNN đã có những kiến nghị giúp địa phương quản lý, sử dụng NCQĐP một cách hiệu quả hơn.

Những nội dung cần lưu ý khi kiểm toán NCQĐP

Để kiểm toán được vấn đề NCQĐP, các kiểm toán viên cần thực hiện những nội dung sau:

Phân biệt các khoản NCQĐP

Khoản 4, Điều 3 Luật Quản lý nợ công quy định: NCQĐP là khoản nợ do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ký kết, phát hành hoặc uỷ quyền phát hành; Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN năm 2002 cũng quy định: Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhu cầu đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi ngân sách cấp tỉnh bảo đảm, thuộc danh mục đầu tư trong kế hoạch 5 năm đã được HĐND cấp tỉnh quyết định, nhưng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh năm dự toán, thì được phép huy động vốn trong nước và phải cân đối ngân sách cấp tỉnh hàng năm để chủ động trả hết nợ khi đến hạn.

Điểm b, Khoản 5, Điều 7, Luật NSNN năm 2015 quy định: Bội chi NSĐP được bù đắp bằng các nguồn vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, từ nguồn Chính phủ cho vay lại và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật.

Trên thực tế, tuy Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công đã quy định rõ thế nào là NCQĐP nhưng nhiều đơn vị được kiểm toán lại quan niệm rằng, các khoản vay không phải trả lãi thì không phải là khoản vay theo Khoản 3, Điều 8, Luật NSNN (ví dụ, một số khoản vay tại Thông tư số 156/2009/TT-BTC ngày 03/8/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, đầu tư các dự án đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn). Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành, kiểm toán viên cần xác định và giải thích cho đơn vị được kiểm toán hiểu mục đích của khoản vay là để đầu tư xây dựng các công trình thuộc kết cấu hạ tầng, nên dù không phải trả lãi (lãi suất bằng 0) thì nó vẫn là khoản nợ của chính quyền địa phương.

Đánh giá việc xây dựng hạn mức vay, lập kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương

Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên cần đánh giá việc xây dựng hạn mức vay của các địa phương theo quy định tại Nghị định 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công (Nghị định 79); tính hợp lý, đúng

đắn, xác thực của các cơ sở tính toán để xây dựng hạn mức vay; việc xây dựng đề án vay chính quyền địa phương cũng như đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; việc đánh giá khả năng hoàn vốn đối với các dự án có khả năng hoàn vốn hoặc khả năng trả nợ của NSĐP đối với dự án thuộc nhiệm vụ chi của NSĐP; kế hoạch trả nợ các khoản vay của chính quyền địa phương.

Về vấn đề này, nhiều địa phương thường có những sai phạm, bất cập như: chưa xây dựng hạn mức vay theo quy định tại Nghị định 79; cơ sở lập kế hoạch vay cũng như trả nợ các khoản vay và lãi, hay đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương chưa hợp lý, đúng đắn, thiếu cơ sở thực tiễn, mang tính ước đoán; đánh giá khả năng hoàn vốn của dự án hoặc khả năng trả nợ của NSĐP không phù hợp với thực tế …

Việc phản ánh và phân bổ nguồn vốn vay

Kiểm toán viên cần xem xét các khoản thu từ nguồn vốn vay đã được HĐND tỉnh quyết nghị bằng nghị quyết có được phản ánh là một khoản thu trong dự toán ngân sách hay không. Kết quả kiểm toán thường cho thấy, hầu hết địa phương đã không phản ánh các khoản thu này trong dự toán thu ngân sách, dẫn đến việc không có một khoản chi tương ứng trong dự toán chi ngân sách kèm theo danh mục các công trình, dự án xây dựng cơ bản. Trong quá trình thực hiện, UBND cấp tỉnh đã quyết định phân bổ vốn cho các công trình, dự án mà không thông qua HĐND cấp tỉnh như Luật NSNN đã quy định.

Đánh giá việc thực hiện vay, trả nợ của chính quyền địa phương

Đối với vấn đề thực hiện vay và trả nợ, kiểm toán viên cần tập trung đánh giá trình tự, thủ tục vay; việc thu hồi tạm ứng tồn ngân kho bạc cho các dự án, công trình; việc theo dõi, quản lý thu hồi vốn đối với các công trình có khả năng hoàn vốn; việc trả nợ đối với các khoản vay; việc thực hiện vay, trả nợ vay (số ký kết vay, số thực tế vay, thực tế trả, dư nợ) so với kế hoạch đã được HĐND cấp tỉnh thông qua, đảm bảo mức dư nợ các khoản vay không vượt quá tỷ lệ được quy định tại Nghị định số 123/2004/NĐ-CP, Nghị định số 124/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 của Chính phủ (đối với Thủ đô Hà Nội và TP.HCM), Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN (đối với các địa phương còn lại).

Mỗi khoản vay hoặc huy động vốn đều có quy

định riêng, do đó, kiểm toán viên cần căn cứ vào từng khoản vay để đối chiếu, so sánh các nội dung liên quan đến vay và huy động vốn (mục đích vay, trình tự thủ tục vay, sử dụng vốn vay, phương án trả nợ…), từ đó đánh giá tính tuân thủ của việc quản lý các khoản vay. Cụ thể là:

+ Đối với việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương: cần căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 của Chính phủ và Thông tư số 100/2015/TT-BTC ngày 9/6/2015 của Bộ Tài chính.

+ Đối với việc vay tín dụng ưu đãi thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề, hạ tầng thủy sản, chương trình tôn nền vượt lũ đồng bằng sông Cửu Long: cần căn cứ Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009; Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 156/2009/TT-BTC ngày 03/8/2009 của Bộ Tài chính.

+ Đối với việc vay tạm ứng tồn ngân kho bạc nhà nước: cần căn cứ Thông tư số 162/2012/TT-BTC ngày 03/10/2012 của Bộ Tài chính.

Kết quả kiểm toán cũng cho thấy quá trình vay, sử dụng vốn vay và thực hiện trả nợ của các địa phương thường có những sai phạm như: dư NCQĐP vượt tỉ lệ theo quy định tại Khoản 3, Điều 8, Luật NSNN; chưa quan tâm hoặc không có điều kiện bố trí nguồn trả các khoản nợ đến hạn; sử dụng vốn vay không đúng quy định, không đúng mục đích hoặc chưa được HĐND cấp tỉnh thông qua; hiệu quả sử dụng vốn vay thấp; không đảm bảo trình tự, thủ tục trong việc triển khai thực hiện các khoản vay theo quy định, thậm chí có trường hợp UBND tỉnh không lập đề án vay vốn nhưng HĐND tỉnh vẫn thông qua nghị quyết về vay vốn.

Kiểm toán về tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của từng khoản vay

Việc đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của các công trình kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng từ khoản nợ của chính quyền địa phương là một nội dung rất quan trọng, yêu cầu KTNN phải thực hiện trong quá trình kiểm toán. Tuy nhiên, đây là nhiệm vụ mới, phức tạp nên cần phải khảo sát, thu thập thông tin, lập kế hoạch kiểm toán phù hợp với thực tiễn của địa phương cũng như khả năng nguồn lực của đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán. Tùy theo quy mô và mức độ phức tạp của các khoản nợ, đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán có thể xem xét, đề xuất Tổng Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán lồng ghép vào cuộc kiểm toán NSĐP hay thực hiện cuộc kiểm toán hoạt động riêng.

Việc tổng hợp, lập và gửi báo cáo về NCQĐP

Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên cần xem xét sự tuân thủ quy định về thời gian lập và gửi báo cáo tình hình NCQĐP; sự phù hợp số liệu báo cáo với số liệu hạch toán, theo dõi nợ công tại kho bạc nhà nước. Thực tế kiểm toán đã cho thấy, nhiều địa phương báo cáo tình hình NCQĐP không kịp thời, đầy đủ và trung thực; số liệu theo dõi giữa kho bạc nhà nước và sở tài chính thường không khớp nhau…

Một số bài học kinh nghiệm

Từ những nội dung cần kiểm toán trên, để nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm toán NCQĐP, mỗi kiểm toán viên cần quan tâm vận dụng các bài học kinh nghiệm sau:

Một là, bám sát nội dung kiểm toán NCQĐP đã được KTNN ban hành để khảo sát thu thập các thông tin cần thiết có liên quan đến NCQĐP, nhằm xác định rõ các nội dung và trọng yếu kiểm toán;

Hai là, bố trí lực lượng vừa đủ nhưng kiểm toán viên phải có năng lực chuyên môn và phẩm chất tốt để khảo sát, thu thập thông tin lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện kiểm toán;

Ba là, quá trình kiểm toán cần xác định đúng, đủ các khoản nợ của chính quyền địa phương; đi sâu đánh giá từ khâu lập đề án huy động, phân bổ, sử dụng, trả nợ vốn vay, để xem việc thực hiện có đảm bảo theo cam kết tại các đề án, hợp đồng vay vốn cũng như các quy định của pháp luật có liên quan;

Bốn là, cần xem xét đến tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả của từng khoản vay, từng công trình sau khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng để từ đó có các ý kiến đánh giá, kết luận và kiến nghị kiểm toán phù hợp với thực tế;

Năm là, đối với các địa phương có tỷ lệ dư nợ vay vượt quá cao, kéo dài nhiều năm so với mức quy định của Luật NSNN, kiểm toán viên cần đánh giá trách nhiệm và đề xuất biện pháp xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan, đồng thời kiến nghị địa phương ưu tiên nguồn vốn trả nợ đối với các khoản vay này, đảm bảo không cao hơn mức trần quy định của Luật NSNN.■

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI:

Cần sớm xử lý tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản

HOÀNG VĂN LƯƠNG - KTNN chuyên ngành II

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Chương trình) là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng, được triển khai trên phạm vi nông thôn toàn quốc với mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước hiện đại; xây dựng cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xây dựng nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; giữ vững an ninh - trật tự; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Chương trình đạt được nhiều mục tiêu...

Theo đánh giá của KTNN, việc thực hiện Chương trình đã được các Bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm chỉ đạo xuyên suốt từ khâu thành lập, kiện toàn ban chỉ đạo các cấp cho đến khâu thanh, quyết toán. Sau 5 năm thực hiện, Chương trình đã từng bước hoàn thiện công tác quản lý và đạt được nhiều kết quả tích cực; các văn bản quản lý, chỉ đạo của Trung ương ban hành tương đối đầy đủ và đồng bộ. Ban chỉ đạo các cấp từng bước được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả; các sở, ban ngành thực hiện tốt công tác tham mưu trong việc ban hành văn bản hướng dẫn...

Tính đến 31/12/2015, cả nước có 1.526 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 17,1%; đến tháng 3/2016 có 1.761 xã, đạt 19,7%. Bình quân cả nước đạt 12,9 tiêu chí/xã, tăng 8,2 tiêu chí so với năm 2010. Thu nhập của cư dân nông thôn năm 2015 gấp 1,9 lần so với năm 2010. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm từ 17,4% năm 2010 xuống còn khoảng 8,2% (bình quân giảm 1,84%/năm). Nhiều địa phương đã tích cực tổ chức thực hiện Chương trình nên số xã đạt chuẩn chiếm tỷ lệ cao, vượt tỷ lệ theo quy định (vùng Đông Nam bộ đạt 42,6%, vùng Đồng bằng sông Hồng đạt 34%). Đến tháng 4/2016, cả nước có 23 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Giai đoạn 2011-2015, cả nước đã huy động hơn 853.794 tỷ đồng đầu tư cho Chương trình, trong đó NSNN bố trí trực tiếp hơn 103.391 tỷ đồng, vốn lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn hơn 166.865 tỷ đồng, vốn tín dụng hơn 425.598 tỷ đồng, vốn huy động từ doanh nghiệp hơn 43.502 tỷ đồng, vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư, nguồn khác hơn 114.436 tỷ đồng. Theo đó, hàng chục ngàn km đường giao thông nông thôn, hàng ngàn công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng... góp phần tạo nên diện mạo mới cho khu vực nông thôn. Hàng trăm ngàn lượt hộ gia đình được hỗ trợ về giống cây trồng, vật nuôi, cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất, nuôi

trồng, giúp người dân áp dụng có hiệu quả vào thực tiễn cũng như nâng cao trình độ sản xuất và giá trị kinh tế nông sản.... Với những kết quả này, Chương trình đã tạo chuyển biến rõ rệt trong nông nghiệp, nông thôn, góp phần tích cực giúp nhân dân ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo; thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

... nhưng nợ xây dựng cơ bản vẫn lớn

Bên cạnh những kết quả to lớn đã đạt được, quá trình tổ chức thực hiện Chương trình cũng còn không ít hạn chế, bất cập, gây ra tình trạng nợ xây dựng cơ bản (XDCB) lớn. Đặc biệt, nhiều xã đạt chuẩn nông thôn mới có nợ XDCB chiếm tỷ lệ cao, đây chính là một trong những thách thức lớn cho Chương trình. Theo báo cáo của các địa phương gửi KTNN, tính đến 31/01/2015, có 55/63 tỉnh, thành phố còn nợ đọng XDCB hơn 16.736 tỷ đồng, trong đó hơn 4.448 tỷ đồng là nợ của 543 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến 31/01/2016, có 53 tỉnh còn nợ đọng XDCB hơn 15.218 tỷ đồng, trong đó hơn 7.138 tỷ đồng là nợ của 1.147 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Số nợ bình quân là 6.238 triệu đồng/xã.

Một số tỉnh, thành phố có số nợ XDCB lớn, như: Bắc Ninh hơn 1.631 tỷ đồng, Thanh Hóa hơn 1.547 tỷ đồng, Thái Bình hơn 1.232 tỷ đồng, Vĩnh Phúc gần 920 tỷ đồng... Nhiều xã đạt chuẩn nông thôn mới có số nợ bình quân lớn, như: Bạc Liêu hơn 35 tỷ đồng/xã, Hải Phòng, Bắc Ninh hơn 18 tỷ đồng/xã,... Cơ cấu nợ đọng của các địa phương tập trung chủ yếu trong các dự án về giao thông (30,8%), thủy lợi (5,5%); trường học (23,3%); cơ sở vật chất văn hóa (12,7%), các công trình dự án khác (27,7%) và chủ yếu thuộc trách nhiệm ngân sách cấp huyện, xã.

Việc phát sinh nợ đọng XDCB xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

Thứ nhất, Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 mặc dù đã đề ra mục tiêu có 20% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đến năm 2015 nhưng lại không có hướng dẫn mục tiêu cụ thể đối với từng vùng, miền, địa phương. Điều này đã tạo áp lực không nhỏ cho việc tổ chức thực hiện Chương trình, đặc biệt là trong bối cảnh nhiều địa phương đang gặp khó khăn, không tự cân đối được ngân sách nên không thể đạt được theo tỷ lệ vốn huy động chiếm 30% như quy định. Hầu hết nguồn vốn đầu tư cho Chương trình tại các địa phương này đều trông đợi từ ngân sách trung ương bố trí trực tiếp. Kết quả là đến hết năm 2015, một số địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn chưa có hoặc chỉ có 1 đến 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chẳng hạn, Yên Bái, Điện Biên, Đăk Nông mỗi tỉnh chỉ có 1 xã; Cao Bằng có 2 xã; Bắc Kạn chưa có xã nào. Trong khi đó, nhiều địa phương có điều kiện kinh tế phát triển như Đồng Nai, Nam Định, Vĩnh Phúc, TP.HCM đều vượt mục tiêu đề ra. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới giữa các vùng, miền có sự chênh lệch lớn, trong khi số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới ở Đông Nam bộ đạt 42,6 %, Đồng bằng sông Hồng đạt 34% thì miền núi phía Bắc mới chỉ đạt 8,2%, Tây Nguyên là 13,2%, Đồng bằng sông Cửu Long đạt 16,9%.

Thứ hai, nhiều địa phương còn chạy theo thành tích, cố phấn đấu để hoàn thành mục tiêu đề ra nên đồng loạt triển khai thực hiện các nội dung. Cách làm này không những chưa đạt tiêu chí Chương trình mà còn chưa chấp hành nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương trong kiểm soát vốn đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB. Nhiều địa phương chưa quan tâm đến tính kinh tế, hiệu quả của dự án đầu tư cũng như sự bất cập của các tiêu chí Chương trình nên có những công trình, dự án ít công năng hoặc công năng sử dụng thấp, như: nhà văn hóa thôn, bản, chợ nông thôn, đường giao thông nông thôn tại các tỉnh vùng cao... Có những địa phương một mặt phê duyệt các dự án vượt quá khả năng cân đối của tỉnh, huyện, xã; mặt khác khi tổ chức thực hiện lại chỉ dành lượng vốn lớn tập trung cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chưa ưu tiên chú trọng bố trí vốn cho phát triển sản xuất nhằm nâng cao đời sống thu nhập của người dân (nhất là các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên).

Thứ ba, khi phê duyệt dự án, nhiều chủ đầu tư dù không xác định rõ nguồn vốn thanh toán nhưng vẫn vận động doanh nghiệp ứng vốn để thi công trước; chưa phát huy hết nội lực của địa phương, nhất là việc sử

dụng nguồn thu tiền sử dụng đất cho Chương trình theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TTLT-Bộ NN&PTNT-Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính.

Thứ tư, các cấp các ngành của nhiều địa phương chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đầu tư công trình xây dựng nông thôn mới của các xã nên dẫn đến tình trạng nhiều xã cho phép nhà thầu thi công vượt kế hoạch vốn được giao, vượt khả năng huy động vốn...

Những giải pháp tháo gỡ và hạn chế phát sinh nợ đọng

Để tháo gỡ nợ đọng XDCB cũng như hạn chế tối đa việc phát sinh nợ đọng trong giai đoạn 2016-2020, các Bộ, ngành, địa phương liên quan trách nhiệm cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, Bộ NN&PTNT phải tham mưu đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản bổ sung, điều chỉnh các tiêu chí nông thôn mới theo hướng mở và đi vào thực chất, tránh tình trạng lãng phí như: tiêu chí chợ, tiêu chí về văn hóa thể thao...; điều chỉnh tỷ lệ huy động vốn để phù hợp với thực tế của từng vùng miền, địa phương; bổ sung tiêu chí về nợ đọng xây dựng cơ bản trong việc thẩm định và xét công nhận đối với xã, huyện và tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới. Bên cạnh đó, Bộ cũng cần chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể việc xác định mục tiêu Chương trình cho từng vùng, miền để phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của từng tỉnh, thành phố giai đoạn 2016-2020, tránh tạo áp lực cho các địa phương trong tổ chức thực hiện mục tiêu Chương trình, gây phát sinh nợ đọng XDCB.

Hai là, Bộ Tài chính cần phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, NHNN, Bộ NN&PTNT cùng các bộ, ngành liên quan để ban hành cơ chế đặc thù về tài chính, ngân sách, tín dụng áp dụng cho từng vùng, miền địa phương; trong đó chú trọng tập trung hỗ trợ các vùng khó khăn như: miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long nhằm giảm sự chênh lệch giữa các vùng, miền, địa phương.

Ba là, các tỉnh, thành phố cần tập trung rà soát, đánh giá các dự án đầu tư, chỉ bố trí nguồn lực đối với các dự án có hiệu quả, dự án cấp bách, cắt giảm và dừng các dự án không hiệu quả; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân trong thực hiện Chương trình; tăng cường năng lực hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, quản lý, sử dụng vốn đầu tư cho các cấp, nhất là cấp xã; phát huy tối đa nội lực, tiềm năng của địa phương và tăng cường thực hiện lồng ghép với các chương trình khác; chủ động bố trí nguồn vốn xử lý dứt điểm nợ đọng trong đầu tư xây dựng thực hiện Chương trình. Các tỉnh, thành phố cũng phải gắn kết nội dung của Chương trình, đặc biệt là các dự án phát triển sản xuất với định hướng phát triển kinh tế chung của địa phương; lựa chọn những mô hình sản xuất, chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương để ưu tiên đầu tư.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Chương trình; xác định rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với những địa phương để phát sinh nợ XDCB.■

KENYA:
Sụp đổ Hệ thống thông tin quản lý tài chính vì những thiếu sót nghiêm trọng

THANH XUYÊN

Mới đây, Hệ thống thông tin quản lý tài chính tích hợp (Ifmis) trọng yếu của Chính phủ Kenya đã bị sụp đổ. Mọi công tác thanh toán, chi trả lương,… đều bị trì hoãn. Hàng ngàn công chức, viên chức, người lao động, các địa phương cũng như vô số tổ chức liên quan bị rơi vào một cuộc khủng hoảng tài chính trầm trọng do Ifmis tê liệt hoàn toàn và chưa biết khi nào có thể giải quyết được.

Trước khi Hệ thống sụp đổ một tháng, Tổng Kiểm toán Kenya đã công bố một báo cáo điều tra về tình hình hoạt động của Ifmis, theo đó, nhiều thiếu sót về mặt công nghệ của hệ thống đã được chỉ ra. Những thiếu sót này cũng chính là điểm mấu chốt để các đối tượng xấu dễ dàng lợi dụng đánh cắp ngân sách công.

Ifmis bắt đầu được đưa vào hoạt động từ năm 1998, do 3 cơ quan là Ngân hàng Trung ương Kenya, Tổng cục thuế và Bộ Lao động Kenya đồng quản lý, mạng lưới kết nối rộng khắp đến tất cả 47 tỉnh, thành phố. Mục đích xây dựng hệ thống này là nhằm nâng cao hiệu quả trong việc lập kế hoạch, chi tiêu ngân sách, mua sắm công và lập các báo cáo tài chính của Chính phủ cũng như các cấp chính quyền.

Để có những đánh giá đúng về tính hiệu quả của Ifmis, Tổng Kiểm toán Kenya đã quyết định tiến hành kiểm toán trên toàn hệ thống. Kết quả kiểm toán cho thấy, sau 9 năm liên tục hoạt động, Ifmis không những không mang lại hiệu quả nào mà còn khiến ngân sách công bị thất thoát và ảnh hưởng nặng nề hơn. Các phương thức bảo mật cơ bản của Ifmis vô cùng sơ sài, thiếu những biện pháp bảo mật dữ liệu tối thiểu. Tình trạng trên khiến hệ thống dễ dàng bị kẻ gian lợi dụng để đột nhập đánh cắp ngân sách công.

Báo cáo của Tổng Kiểm toán cũng chỉ ra nhiều điểm yếu dễ bị lạm dụng và phát sinh gian lận trong công tác kiểm soát Ifmis. Thậm chí, những đối tượng bí mật chưa xác định được danh tính vẫn nghiễm nhiên có quyền truy cập vào hệ thống từ xa; gần 50 người khác có tới vài tài khoản đăng nhập cùng một lúc vào hệ thống quản lý tài chính vô cùng quan trọng của Chính phủ. Hệ thống cũng không có công cụ, quy trình phê duyệt giúp theo dõi việc tạo tài khoản đăng nhập mới, do đó, cùng một người nhưng có thể tạo ra nhiều tài khoản ảo và thực hiện các giao dịch từ xa mà không hề bị giám sát, quản lý.

Theo quy định quản lý và bảo mật hệ thống, ít nhất sau 90 ngày mật khẩu phải được thiết lập lại một lần. Tuy nhiên, các kiểm toán viên cho biết, từ khi đưa vào hoạt động đến nay, mật khẩu của Ifmis chưa bao giờ được cài đặt lại. Lỗ hổng lớn này đã tạo cơ hội cho kẻ gian xâm nhập trái phép vào các dữ liệu tài chính quan trọng của Chính phủ và là mấu chốt để thực hiện những hành động gian lận, đánh cắp ngân sách.

Ifmis được coi là trung tâm tài chính đầu não của Chính phủ Kenya. Tuy nhiên, do vận hành trên một nền tảng công nghệ sơ sài, nghèo nàn, hệ thống này đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều hoạt động quan trọng khác và gây ra những bất tiện trong hoạt động tài chính. Tại nhiều địa phương, hệ thống thường xuyên đột ngột ngừng hoạt động từ 2 tới 4 ngày.

Một buổi thảo luận về tính năng của hệ thống Ifmis

Báo cáo kiểm toán cũng chỉ ra rằng, Ifmis vận hành chủ yếu dựa vào cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin vốn có của Chính phủ. Các nhà quản lý đã không tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng trong quá trình xây dựng hệ thống và thiết lập một nền tảng đạt chuẩn cho Ifmis trước khi nó được chính thức vận hành. Bởi thế, nó không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật về công nghệ cần thiết cũng như không phù hợp với các yêu cầu riêng giúp hệ thống hoạt động theo đúng tiêu chuẩn đặt ra.

Đặc biệt, tại Uỷ ban Quốc gia về thanh niên (NYS) Kenya, các kiểm toán viên còn phát hiện một khoản thất thoát lên đến 1,6 tỷ Shilling Kenya (KES), tương đương 15,5 triệu USD thông qua các giao dịch từ xa. Cục Điều tra hình sự (DCI) Kenya cũng cho biết, bằng những gian lận tài chính trên hệ thống Ifmis, có 3 công ty cùng thuộc sở hữu của một nghi can đã được trả tới 791 triệu KES để xây dựng một con đường tại khu ổ chuột Kibera, trong khi chi phí làm đường đã được kiểm toán chỉ là 78 triệu KES. Ông Adan Harakhe - một cựu quan chức của NYS, từng tiết lộ mật khẩu của ông đã bị đánh cắp và sử dụng trong các giao dịch gian lận, kết quả là hàng trăm triệu KES đã bị rút ra từ tài khoản ngân sách công.

Vào tháng 11/2016, Giám đốc Cục Kiểm soát chất lượng quốc gia đã báo cáo với Thượng viện về việc chữ ký và mật khẩu truy cập vào Ifmis của một số lãnh đạo Cục đã bị giả mạo để tiếp cận 30 triệu KES. Ngay sau khi tài khoản truy cập Ifmis được lập thành công, 18,2 triệu KES đã bị đánh cắp vô cùng dễ dàng.

Tháng 12/2016, Ủy ban Đạo đức - Phòng, chống tham nhũng (EACC) và Kho bạc cũng tiến hành kiểm toán Ifmis để tìm ra thủ đoạn của những kẻ gian lợi dụng sơ hở của hệ thống và ăn cắp hàng tỷ KES từ ngân sách. Phó giám đốc Ủy ban Michael Mubea cho biết, cơ quan này tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống để xác định những điểm yếu kém, từ đó đưa ra các khuyến nghị về cách giải quyết tình trạng bất cập. Ông Mubea nhấn mạnh, người dân Kenya muốn những kẻ gian phải bị kết án, không phải chỉ trả một vài khoản tiền phạt để rồi sau đó lại tiếp tục lộng hành, đục khoét ngân sách quốc gia.

Đến nay, Ifmis đã tiêu tốn hơn 11 tỷ KES từ ngân sách quốc gia để phục vụ công tác xây dựng và thiết kế hệ thống. Tình trạng "đầu voi đuôi chuột" đã khiến hệ thống sụp đổ khi chưa đem lại lợi ích đáng kể nào cho Nhà nước và nhân dân. Không những thế, ngân sách quốc gia và mỗi người dân Kenya còn bị đè thêm gánh nặng từ những khoản thất thoát ngân sách khổng lồ mà Ifmis để lại.■

(Theo The-star.co.ke và Nation.co.ke)

Tháng tư này...

Có một ngày tha thiết tuổi hai mươi
Đôi mắt nhớ tiễn anh ngày đánh giặc
Cô chủ hiệu tay vàng xòe trên sạp
Tháng tư này hoa phượng đỏ về đâu?

Tháng tư này bè bạn có tìm nhau
Đừng nói chuyện ngày xưa thêm nữa nhé!
Bao cánh rừng đã trôi về phía bể
Trong men bia ta lạc lõng mất rồi!

Hoa loa kèn Hà Nội nở rất tươi
Giá tặng hết được những người vợ lính
Giá dệt được sợi lòng thành vải sáng
Để mẹ ta mặc giữa tháng tư này...

NGUYỄN SĨ ĐẠI

Sưu tầm...

Sống ở đời

Từ hồi còn học trung học, cha tôi có thói quen vặn đồng hồ chạy nhanh năm phút. Rồi vào đại học, ra trường, đi tìm việc làm, lập gia đình... cha tôi vẫn giữ thói quen như thế. Cha dạy tôi: "Phải luôn tôn trọng giờ giấc, và đừng để ai khó chịu vì mình chậm trễ con ạ".

Năm ngoái được thăng chức giám đốc, cha thay đổi thói quen đột ngột: cha vặn đồng cho chạy chậm năm phút.

Tôi thắc mắc, hỏi tại sao, cha trả lời: "Phải nghiêm khắc với chính mình nhưng nên rộng lượng với người khác con ạ!"

PHẠM QUỐC

Dân miền núi

Cậu hỏi cha: "Bố làm việc suốt ngày suốt đêm như thế, cuối cùng để làm gì?"

Cha dừng chiếc cuốc đang giơ cao giữa không trung, lau mồ hôi nói: "Để kiếm được nhiều tiền!"

"Kiếm được nhiều tiền hơn, để làm gì nào?"

Cha nhè nhẹ xoa đầu cậu: "Để sau này làm nhà lấy vợ cho con đấy!"

"Sau này làm nhà lấy vợ cho con để làm gì?"

"Để cho mày sinh con đẻ cái!"

"Để cho con sinh con đẻ cái để làm gì chứ?"

Ông bố rờ mãi chiếc cuốc trong tay, thở dài nói: "Để sau này chúng nó tiếp nhận chiếc cuốc ở trong tay con!"

LÝ TRƯỜNG KHÔNG